

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ THU HÒA

XÓA ÁN TÍCH THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THỊ THU HÒA

**XÓA ÁN TÍCH THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả được nêu trong luận văn là trung thực, chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Phạm Thị Thu Hòa

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XÓA ÁN TÍCH	6
1.1. Những vấn đề lý luận về án tích, xóa án tích.....	6
1.2. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về xóa án tích	17
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH.....	22
2.1. Quy định về các trường hợp và điều kiện xóa án tích	22
2.2. Quy định về thời hạn xóa án tích	37
2.3. Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích	42
Chương 3: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH ĐÓ TRONG THỜI GIAN TỐI.....	46
3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích	46
3.2. Một số giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích.....	54
KẾT LUẬN	63
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	65

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xóa án tích là một chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam. Ở một mức độ nào đó, chế định xóa án tích thể hiện nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam: Nguyên tắc nhân đạo, dân chủ xã hội chủ nghĩa và tôn trọng quyền con người.

Kế thừa và phát triển Bộ luật hình sự 1985, Bộ luật hình sự 1999 là bước phát triển mới trong việc giải quyết vấn đề án tích và xóa án tích trong luật hình sự nước ta. Nhiều quy phạm của chế định xóa án tích đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy định về xóa án tích trong Bộ luật hình sự hiện hành, ở những mức độ khác nhau, bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu của việc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Mặt khác, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức nên một số quy định của pháp luật hình sự, trong đó có các quy định về xóa án tích, chưa được nhận thức thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Trong khi đó, việc nghiên cứu những vấn đề liên quan đến chế định xóa án tích chưa được các tác giả quan tâm đúng mức. Cho đến nay, nhiều nội dung của chế định xóa án tích còn có những nhận thức khác nhau. Mặt khác, cùng với sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước, nhiều vấn đề của luật hình sự, trong đó có vấn đề xóa án tích cũng luôn vận động và phát triển đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

Trước tình hình đó, BLHS 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chế định xóa án tích nhằm khắc phục những vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là việc rất cần thiết, không những có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa cả về thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Tất cả những phân tích trên đây là lý do để học viên lựa chọn đề tài *“Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam ở nước ta hiện nay”* để nghiên cứu làm Luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Xóa án tích là một trong những vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Nhưng trước đây ít có những công trình nghiên cứu về vấn đề này. Chỉ đến khi vấn đề xóa án tích được ghi nhận trong BLHS năm 1985 và sau đó là BLHHS năm 1999 thì mới có một số bài báo bàn luận về vấn đề này, như: *“Chế định án tích và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam”* của PGS.TSKH Lê Cẩm, Tạp chí Nhà nước pháp luật số 2/2005; *“Án tích theo Bộ luật hình sự năm 1999”* của PGS.TS Hồ Sỹ Sơn, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 12/2001; *“Xóa án tích với việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm”* của tác giả Đỗ Văn Chính, Tạp chí TAND số 2/2009; Đặc biệt là trong những năm gần đây đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu một cách tương đối hệ thống về vấn đề xóa án tích ở cấp độ luận văn thạc sĩ, hoặc khóa luận cử nhân như:

- *“Chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999”* của tác giả Nguyễn Thị Minh Phương, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân năm 2001;

- *“Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Thị Lan, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân năm 2003;

- *“Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng”*, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Văn Trình; Học viện Khoa học xã hội; năm 2017;

- *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Xuân Nghiệp, Khoa Luật Đại học Quốc gia năm 2006;

Ngoài ra, chế định xóa án tích còn được đề cập một cách khái quát trong các giáo trình luật hình sự và các cuốn bình luận khoa học Bộ luật hình sự.

Các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên đã làm rõ được một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xóa án tích. Tuy nhiên, do mục đích, nhiệm vụ,

phạm vi nghiên cứu khác nhau nên các công trình đó mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh nhất định về xóa án tích mà chưa nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và toàn diện về vấn đề này.

Vì vậy, với mục đích, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu và cách tiếp cận riêng của mình cho phép khẳng định rằng đề tài này không trùng với các công trình nghiên cứu, luận văn, khóa luận tốt nghiệp đã được công bố.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, luận văn có mục đích tìm ra những hạn chế, bất cập trong các quy định đó để đề xuất những giải pháp hoàn thiện và đảm bảo áp dụng đúng trong thực tiễn ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về án tích, xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam;
- Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về xóa án tích từ năm 1945 đến nay;
- Bình luận, đánh giá những quy định của BLHS hiện hành cũng như BLHS năm 2015 về xóa án tích;
- Đề xuất những giải pháp hoàn thiện và đảm bảo áp dụng đúng các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Do khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ và đề tài được giao nên phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu lý luận và quy định của luật thực định về xóa án tích.

Tuy nhiên, ở một chừng mực nhất định luận văn còn đề cập đến thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích tại một số địa bàn cụ thể từ năm 2012 đến năm 2016 (chủ yếu địa bàn Hà Nội).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước về tội phạm và hình phạt, về quyền con người; ngoài ra luận văn còn được nghiên cứu dựa trên những thành tựu của triết học, lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý, khoa học luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật thi hành án;

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp hệ thống, lịch sử, lôgic, phân tích, so sánh, tổng hợp, tham khảo ý kiến chuyên gia, v.v...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đây là công trình đầu tiên ở cấp độ luận văn thạc sĩ nghiên cứu toàn diện, có hệ thống vấn đề xóa án tích. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng sau:

- Về mặt lý luận: kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm phong phú thêm những vấn đề lý luận về xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam.

- Về thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận văn có thể tham khảo để sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích cũng như áp dụng các quy phạm đó trong thực tiễn được đúng đắn.

Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, học tập tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành luật hình sự ở nước ta.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích

Chương 2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích

Chương 3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích và Giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định đó trong thời gian tới.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ XÓA ÁN TÍCH

1.1. Những vấn đề lý luận về án tích, xóa án tích

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của án tích

1.1.1.1. Khái niệm án tích

Để có thể nhận thức một cách thấu đáo về xóa án tích, điều quan trọng đầu tiên là phải nhận thức đúng đắn về khái niệm, đặc điểm của án tích. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam thì án tích và xóa án tích là một trong những chế định quan trọng thể hiện sâu sắc chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện của Đảng và Nhà nước ta. Mặc dù vậy, cho đến nay đã qua ba lần pháp điển hóa, nhưng trong các BLHS vẫn không có quy phạm định nghĩa về khái niệm án tích và xóa án tích.

Tuy nhiên, trong khoa học Luật hình sự có một số định nghĩa về án tích:

Chẳng hạn: “*Án tích là hậu quả pháp lý của bản án kết tội mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội, là một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm và người phạm tội khi tội phạm được thực hiện trong thời gian người ấy mang án tích*” [21, tr. 276]. Theo chúng tôi, quan điểm trên cũng chưa thật sự chính xác, bởi không phải tất cả bản án kết tội của Tòa án đều làm phát sinh án tích. Chẳng hạn, trường hợp người bị kết án được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt không làm phát sinh án tích.

Hoặc: “*Án tích là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội; xuất hiện khi người đó đã chấp hành xong hình phạt và được xóa để trở thành người chưa bị kết án khi người này đáp ứng được những điều kiện mà Bộ luật hình sự quy định hoặc tồn tại một khi người đã bị kết án dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa đáp ứng được những điều kiện được quy định trong Bộ luật hình sự và người đó còn phải chịu tình tiết định khung*

tăng nặng hình phạt nếu phạm tội trong thời gian mang vết tích đã từng bị kết án (theo Điều 49 Bộ luật hình sự) hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự về những hành vi vi phạm pháp luật mà theo quy định của Bộ luật hình sự, vết tích đã từng bị kết án là yếu tố điều kiện cấu thành tội phạm” [23, tr. 65]. Quan điểm này, theo chúng tôi cũng có những điểm chưa thật chính xác khi cho rằng, án tích xuất hiện khi người đó chấp hành xong hình phạt, vì thời điểm chấp hành xong hình phạt chỉ là căn cứ để xác định thời hạn để xóa án tích; mặt khác, án tích chỉ phát sinh trong trường hợp người bị kết án đủ 16 tuổi trở lên và theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án bị áp dụng hình phạt.

Theo một định khác khác thì *“Án tích là một dấu ấn cho thấy, người có án tích đã từng bị kết án vì đã phạm tội” [12, tr.12-13].* Quan điểm này cũng có những điểm hạn chế nhất định. Đó là việc dùng thuật ngữ *"dấu ấn"* là không nêu bật được bản chất pháp lý của án tích. Và mặt khác, thực tế xét xử cho thấy *“bị kết án”* không phải là dấu hiệu chung nhất.

Trong khoa học luật hình sự của một số nước trên thế giới cũng có một số quan điểm khác nhau xoay quanh khái niệm án tích như:

GS.TSKH luật Tkatrexki Iu.M cho rằng: *“Án tích là hậu quả pháp lý của chủ thể xuất hiện do sự kiện người này bị kết án một hình phạt nào đó về tội phạm đã thực hiện và kèm theo các hậu quả pháp lý nhất định đối với chính bản thân người này” [2, tr.59];* trong khi đó GS.TSKH luật Rarôg A.L định nghĩa: *“Án tích là tình trạng pháp lý đặc biệt của người bị kết án một hình phạt đối với tội đã phạm và tình trạng này được bắt đầu từ khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp diễn cho đến thời điểm hết hoặc xóa án tích” [2, tr. 59].*

Như vậy, xung quanh khái niệm án tích, trong giới nghiên cứu khoa học luật đã tồn tại rất nhiều cách diễn đạt khác nhau. Tuy nhiên, theo chúng tôi, để xây dựng được khái niệm án tích một cách chính xác và khoa học thì

trong nội hàm khái niệm án tích cần thể hiện được bản chất pháp lý, nội dung, điều kiện cũng như giới hạn của án tích. Cụ thể là:

- Về bản chất pháp lý: Án tích là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, là một trong những hình thức trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện: Án tích chỉ xuất hiện khi có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và người bị kết án bị áp dụng hình phạt.

Như vậy, án tích là một sự kiện pháp lý phát sinh hoàn toàn phụ thuộc vào việc kết án và áp dụng hình phạt của Tòa án.

- Giới hạn của án tích: Án tích chỉ tồn tại trong thời hạn nhất định từ khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi được xóa bỏ (có thể là đương nhiên hoặc theo quyết định của Tòa án).

Thời hạn này phụ thuộc vào loại và mức hình phạt được Tòa án quyết định áp dụng đối với người bị kết án.

- Mục đích của án tích: là nhằm thực hiện sự kiểm soát của Nhà nước đối với người bị kết án một thời gian nhất định sau khi chấp hành xong hình phạt.

Từ sự phân tích đây và tham khảo một số quan điểm khác nhau về án tích, đồng thời, trên cơ sở thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, có thể đưa ra định nghĩa khoa học về án tích như sau:

“Án tích là hậu quả pháp lý của việc một người bị kết án theo bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải chịu hình phạt và tồn tại trong thời hạn nhất định kể từ khi bản án đó có hiệu lực pháp luật cho đến khi hậu quả pháp lý đó được xóa bỏ theo quy định của pháp luật”.

Tóm lại, án tích là một trong những vấn đề chứa đựng nhiều nội dung liên quan đến khoa học luật hình sự, đòi hỏi cần được nghiên cứu cụ thể, có hệ thống. Bởi vì, đây là vấn đề của pháp luật hình sự thể hiện rõ nét nguyên tắc nhân đạo, dân chủ xã hội chủ nghĩa và tôn trọng quyền con người. Đồng thời, nó còn thể hiện được một phần chính sách hình sự của nhà nước ta, đó là chính sách nhân đạo thông qua việc quy định điều kiện, thời gian thử

thách đối với người phạm tội để họ được coi là người chưa bị kết án. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có thái độ nghiêm khắc đối với những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt mà lại phạm tội mới trong thời gian mang án tích - tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Trong trường hợp này, án tích sẽ được coi như một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm, cũng như của người phạm tội. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, việc một người mang án tích lại phạm tội mới thì án tích được coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt hoặc định tội (Điều 48, Điều 49 và các điều thuộc Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự 1999). Đồng thời, trong một số trường hợp việc một người mang án tích lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì án tích được coi là yếu tố, điều kiện cấu thành tội phạm. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 138 - Tội trộm cắp tài sản: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị..."*. Điều cần lưu ý là trong Bộ luật hình sự năm 1999, các nhà làm luật coi án tích (chưa được xóa án tích) như là một trong những yếu tố cơ bản của cấu thành tội phạm. Qua đây, chúng ta cần khẳng định rằng, án tích không tự nó làm phát sinh những hậu quả pháp lý bởi vì nó chỉ là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội. Người phạm tội chỉ phải gánh chịu những hậu quả pháp lý nhất định khi vi phạm nghiêm trọng những điều kiện thử thách: Phạm tội mới, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật... trong thời gian chưa được xóa án tích.

1.1.1.2. Các đặc điểm của án tích

Trên cơ sở lý luận, quy định của luật thực định và thực tiễn áp dụng có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản của án tích như sau:

Thứ nhất, về bản chất: Án tích không chỉ là hậu quả bất lợi về mặt pháp lý hình sự, về mặt xã hội mà còn là một hình thức trách nhiệm hình sự.

Trước hết, án tích là hậu quả bất lợi về mặt pháp lý hình sự cũng như về mặt xã hội của người phạm tội, bởi người phạm tội bị kết án và bị Tòa án áp dụng hình phạt thì họ bị coi là có án tích trong một thời hạn nhất định. Trong thời gian mang án tích mà người ấy lại phạm tội mới thì đó là tình tiết để Tòa án xem xét, đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và trong nhiều trường hợp nó được coi là tính tăng nặng trách nhiệm hình sự, thậm chí là tình tiết định khung tăng nặng nếu thỏa mãn các điều kiện của tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điều 49 BLHS hiện hành.

Ngoài ra, án tích còn đưa đến cho người có án tích những hậu quả xã hội bất lợi khác như: không được đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định hoặc bị hạn chế một số quyền nhất định. Chẳng hạn, theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Luật sư năm 2006, thì *“Người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư”*, hoặc theo quy định tại Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì *“Người chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em”* sẽ không được nhận nuôi con nuôi.

Án tích còn là một trong những hình thức của trách nhiệm hình sự, vì nếu người bị kết án đã chấp hành xong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng chưa kết án tích hoặc chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật thì vẫn còn trách nhiệm hình sự.

Người mang án tích, trong lý lịch tư pháp cũng như các giấy tờ chứng thực về nhân thân của người đó sẽ bị xác nhận là *“tiền án”*, khi đó, án tích như một *“vết nhoe”* trong lý lịch của người phạm tội, dẫn tới sự kỳ thị của xã hội cũng như gây khó khăn trong quá trình sinh hoạt, tham gia hoạt động xã hội và hoạt động kinh tế của chính những người mang án tích.

Thực tiễn ở nước ta cho thấy, hiện nay Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội đang tích cực tuyên truyền làm tốt công tác chống kỳ thị, phân biệt, đối xử với những người có quá khứ phạm tội bằng các chương trình hành động cụ thể như: chính sách tạo điều kiện giúp người phạm tội tái hoà nhập cộng đồng; tạo điều kiện để những người đã từng bị kết án rèn luyện phấn đấu trở thành những con người sống có ích cho gia đình và xã hội.

Thứ hai, về cơ sở làm phát sinh: án tích là sự kiện pháp lý hình sự chỉ phát sinh khi người phạm tội bị kết án và phải chịu hình phạt theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật. Án tích được coi là sự kiện pháp lý hình sự, bởi lẽ sự kiện đó có quá trình phát sinh, hình thành và mất đi (xóa bỏ), sự kiện đó phát sinh khi người phạm tội bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật và người bị kết án đó phải chịu một trong các hình phạt mà pháp luật hình sự đã quy định. Như vậy, không phải bất cứ người phạm tội nào bị kết án đều phải chịu án tích mà chỉ người nào bị kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật và phải chịu hình phạt thì mới phát sinh án tích. Trường hợp người bị kết án nhưng được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp như đưa vào trường giáo dưỡng; giáo dục tại phòng, xã, thị trấn theo quy định tại Điều 70 BLHS, hoặc bị áp dụng biện pháp buộc công khai xin lỗi, bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 42 BLHS... thì sẽ không làm phát sinh án tích.

Thứ ba, về thời hạn tồn tại: Án tích chỉ tồn tại trong thời hạn nhất định kể từ khi bản án đó có hiệu lực pháp luật đến khi án tích được xóa bỏ theo quy định của pháp luật. Việc kết án là một sự kiện khách quan và không gì có thể xóa bỏ được sự kiện bị kết án của người phạm tội, trừ khi theo quy định của pháp luật họ được xác định là đã được xóa án tích. Như vậy, án tích không phải là đặc điểm về nhân thân có tính chất vĩnh viễn đối với bản thân người phạm tội mà có thời hạn theo quy định của pháp luật. Điều này xuất phát từ bản chất nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam mà BLHS đã quy định án tích chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định và khi đáp ứng đủ điều

kiện luật định thì án tích đó được xóa bỏ. Tùy từng loại tội phạm cũng như mức hình phạt và ý thức chấp hành án của người bị kết án mà pháp luật hình sự đưa ra những điều kiện cụ thể về nhân thân, thời gian để được xóa án tích cũng như thủ tục xóa án tích phù hợp. Như vậy, án tích chỉ tồn tại từ khi bản án đó có hiệu lực pháp luật và đến khi người phạm tội được xóa án tích theo quy định của pháp luật (đương nhiên xóa án tích hoặc xóa án tích theo quyết định của Tòa án).

Thứ tư, về mục đích: Nhà nước quy định người bị kết án phải mang án tích trong một thời hạn nhất định là nhằm kiểm soát, thử thách người bị kết án sau khi chấp hành xong bản án đã hoàn toàn hồi cải, hoàn lương, không tái phạm hay không. Do vậy, thời gian mang án tích chính là thời gian thử thách đối với người mang án tích. Nếu người bị kết án đã chấp hành xong bản án nhưng chưa hết thời hạn để được coi là đã được xóa án tích mà phạm tội mới, chứng tỏ ý thức cải tạo của người bị kết án sau khi chấp hành xong bản án là chưa tốt, vì vậy họ bị coi là tái phạm và phải gánh chịu hậu quả nặng nề hơn. Ngược lại, nếu người bị kết án có ý thức cải tạo tốt, không tái phạm tội trong khoảng thời gian quy định thì họ được xóa án tích và được coi là chưa từng bị kết án. Điều đó có tác dụng xóa đi mặc cảm tội lỗi của người bị kết án, tạo điều kiện để họ sớm trở lại hòa nhập cộng đồng với tư cách là một con người, một công dân chưa từng bị kết án, chưa từng phạm tội.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của xóa án tích

1.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của xóa án tích

Từ trước đến nay, xung quanh vấn đề khái niệm xóa án tích, trong khoa học luật hình sự cũng còn nhiều quan điểm khác nhau:

- Theo PGS.TS Trần Đình Nhã thì: “*Xóa án tích là sự thừa nhận về mặt pháp lý người bị kết án không còn mang án tích và vì vậy không còn chịu hậu quả nào do việc kết án mang lại*” [30, tr. 222].

- ThS. Đinh Văn Quế cho rằng: *“Xóa án tích là xóa bỏ bản án hình sự đối với một người đã bị Tòa án kết án, là sự thể hiện tính nhân đạo trong luật hình sự nước ta..., là để cho người bị kết án không mặc cảm tội lỗi của mình, tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng”* [15, tr. 387].

- ThS. Phạm Thị Học quan niệm: *“Xóa án tích được hiểu là xóa bỏ việc mang án tích thể hiện ở sự công nhận coi như chưa bị kết án đối với người trước đó đã bị Tòa án xét xử, kết tội”* [9, tr. 238].

- Còn theo PGS.TSKH Lê Cẩm: *“Xóa án tích là việc chấm dứt trách nhiệm hình sự của người bị kết án do người đó được xóa án tích theo các quy định của pháp luật hình sự, trên cơ sở có sự xem xét và quyết định riêng của Tòa án công nhận là chưa bị kết án”* [2, tr. 59].

Những định nghĩa trên về xóa án tích mặc dù cách diễn đạt khác nhau, nhưng đều phản ánh được bản chất cũng như hậu quả của việc xóa án tích. Đây là những yếu tố hợp lý có thể kế thừa để đưa ra một khái niệm khoa học về xóa án tích.

Tuy nhiên, theo chúng tôi, để đưa ra được một khái niệm xóa án tích có khoa học, thì trong nội hàm khái niệm đó phải phản ánh được bản chất của án tích; điều kiện, thủ tục và hậu quả của xóa án tích.

Với cách tiếp cận như vậy, chúng tôi cho rằng: *“Xóa án tích là việc xóa bỏ hậu quả pháp lý, chấm dứt trách nhiệm hình sự của người bị kết án, được tiến hành theo một trình tự thủ tục pháp lý khi có đủ các điều kiện do pháp luật quy định. Kết quả của việc xóa án tích là người được xóa án tích được coi là chưa bị kết án; trong lý lịch tư pháp của người đó được ghi là không bị kết án”*.

Từ khái niệm trên thấy rằng, xóa án tích có những đặc điểm cơ bản sau đây:

Một là, về bản chất:

Xóa án tích là việc xóa bỏ hậu quả pháp lý bất lợi mà người bị kết án có mang án tích phải gánh chịu, chấm dứt hoàn toàn trách nhiệm hình sự của người đó.

Bản chất của án tích là hậu quả pháp lý bất lợi, là hình thức trách nhiệm hình sự của người bị kết án. Do vậy xóa án tích là xóa bỏ hậu quả này, là chấm dứt hình thức trách nhiệm hình sự đối với người bị kết án. Thời điểm xóa án tích cũng chính là thời điểm chấm dứt trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

Hai là, về điều kiện xóa án tích:

Theo quy định của pháp luật, để được xóa án tích, người bị kết án phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện luật định. Tùy theo từng trường hợp xóa án tích cụ thể mà pháp luật quy định những điều kiện khác nhau, trong đó có những điều kiện cần và điều kiện đủ. Những điều kiện đối với từng trường hợp xóa án tích cụ thể sẽ được phân tích ở Chương 2.

Ba là, về thủ tục:

Việc xóa án tích vừa được tiến hành theo thủ tục tố tụng, vừa được tiến hành theo thủ tục hành chính tư pháp.

Đây là một thủ tục pháp lý, trong đó cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận hoặc xem xét quyết định việc không còn án tích đối với người bị kết án theo những điều kiện luật định.

Bốn là, về kết quả của việc xóa án tích:

Người được xóa án tích được thừa nhận là “*coi như chưa bị kết án*”. Điều đó có nghĩa là, từ thời điểm được xóa án tích, họ trở thành người hoàn toàn bình thường về mặt tư pháp và không ai có thể căn cứ vào sự kiện họ đã bị kết án trước đây để hạn chế quyền và lợi ích của họ. Sau khi được xóa án tích, các giấy tờ liên quan đến căn cước, lý lịch tư pháp của họ đều được ghi là “*không có án tích*” và nếu người đó lại phạm tội mới thì cũng coi như phạm tội lần đầu.

Năm là, mục đích của xóa án tích:

Mục đích của xóa án tích là nhằm xóa bỏ đi mặc cảm của người bị kết án, động viên họ trở về cuộc sống lương thiện, tái hòa nhập cộng đồng

1.1.2.2. Ý nghĩa của xóa án tích

Xóa án tích là một chế định mang tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, thể hiện sự thừa nhận về mặt pháp lý người bị kết án không phải tiếp tục gánh chịu hậu quả do việc kết án mang lại. Do vậy, xóa án tích vừa có ý nghĩa về mặt pháp lý hình sự vừa có ý nghĩa về mặt xã hội.

Trước hết, về mặt pháp lý hình sự

- Xóa án tích có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với người bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới. Bởi vì theo quy định tại: Khoản 1 Điều 49 của BLHS hiện hành thì: *“Tái phạm là trường hợp đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý”*. Với quy định này thì trường hợp người bị kết án đã được xóa án tích thì không còn cơ sở để xác định tái phạm mặc dù sau khi được xóa án tích họ lại phạm tội mới. Đối với trường hợp này, họ được gọi là phạm tội lần đầu, không thuộc trường hợp tái phạm.

Còn theo quy định tại khoản 2 Điều 49 quy định thì: *“Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:*

a. Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b. Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý”

Như vậy, cả hai trường hợp tái phạm nguy hiểm nêu trên đều có quy định một trong những điều kiện để bị coi là tái phạm nguy hiểm là *“Chưa được xóa án tích”*. Vì thế, đối với những trường hợp đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, hoặc đã tái phạm, nhưng người bị kết án đã được xóa án tích thì không còn điều kiện để bị coi là tái phạm nguy hiểm.

- Xóa án tích còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định khung hình phạt tăng nặng áp dụng đối với người bị kết án trong trường hợp tình tiết tái phạm nguy hiểm được quy định là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng.

Nghiên cứu quy định thuộc Phần các tội phạm BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) cho thấy, có rất nhiều khung hình phạt tăng nặng có quy định “*tái phạm nguy hiểm*” là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng. Đối với những trường hợp này việc xác định người bị kết án đã được xóa án tích hay chưa có ý nghĩa rất lớn đối với việc định khung hình phạt, tức là xác định khung hình phạt áp dụng đối với người bị kết án được chính xác.

- Xóa án tích còn có ý nghĩa đối với áp dụng đúng đắn chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bởi theo quy định của BLHS hiện hành thì một trong những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” (điểm h khoản 1 Điều 46); còn theo quy định của Điều 48 thì một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết “*tái phạm, tái phạm nguy hiểm*” (điểm g khoản 1 Điều 46). Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tăng nặng trách nhiệm hình sự này đều liên quan đến vấn đề xóa án tích.

- Xóa án tích còn có ý nghĩa đối với định tội danh, bởi trong một số cấu thành tội phạm cụ thể, nhà làm luật có quy định dấu hiệu “*chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” là dấu hiệu định tội (ví dụ: khoản 1 các điều 137-140, 142, 143, 155, 156, 161, 162, 164, 173, 175, 177, 178, v.v...). Đối với những trường hợp này việc xác định chính xác người bị kết án đã được xóa án tích hay chưa sẽ giúp cho việc định tội danh được chính xác, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Thứ hai, ý nghĩa về mặt xã hội

Xóa án tích là một chế định của luật hình sự có mục đích khuyến khích người bị kết án chấp hành nghiêm chỉnh bản án, cải tạo tốt và sau khi chấp

hành xong bản án xóa bỏ mặc cảm về một thời lầm lỗi, sớm hòa nhập cộng đồng. Với mục đích như vậy, xóa án tích có ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn:

- Xóa án tích góp phần củng cố niềm tin của những người bị kết án, gia họ đình họ và nhân dân vào chính sách hình sự nhân đạo, hướng thiện của Đảng và Nhà nước ta.

- Có tác dụng động viên, khuyến khích những người bị kết án có động lực và quyết tâm tự giác phấn đấu, tích cực cải tạo, chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định thi hành án và nghĩa vụ của người chấp hành án để được hưởng chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước sớm trở về với xã hội, tái hòa nhập cộng đồng, hoàn lương, làm lại cuộc đời, không tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

- Xóa án tích cùng với các biện pháp miễn, giảm hình phạt góp phần tích cực vào việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền công dân được Hiến pháp ghi nhận.

1.2. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về xóa án tích

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1985

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến nay, cùng với việc hình thành và phát triển của Nhà nước, hệ thống pháp luật về hình sự nói chung và chế định xóa án tích nói riêng cũng được hình thành và trải qua các bước phát triển khác nhau phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn cách mạng đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

Ngày 02/9/1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, cùng với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà nước ta đã chú trọng đến việc xây dựng hệ thống pháp luật nhằm quản lý, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng cũng như bảo vệ chính quyền nhân dân còn non trẻ.

Nghiên cứu các văn bản pháp luật được ban hành vào thời kỳ này thấy rằng, trước khi ban hành BLHS đầu tiên của nước ta vào năm 1985 thì những vấn đề liên quan đến xóa án hầu như không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, hoặc được quy định nhưng chưa đầy đủ, toàn diện. Một trong những văn bản quy phạm pháp luật được ban hành vào những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám thành công là Sắc Lệnh số 71/SL ngày 14/2/1946, trong đó có đề cập đến vấn đề xóa án tích đối với người được hưởng án treo. Tại Điều 10 của Sắc lệnh này quy định: *“Nếu trong 05 năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị Tòa án quân sự làm một lần nữa về một việc mới thì bản án đã tuyên sẽ hủy đi, coi như không có”*. Tinh thần của điều luật này chính là can án nếu họ không bị kết án bằng một bản án mới trong thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án cũ.

Tiếp đến là Thông tư số 2308/NCLP ngày 01/12/1961 của Tòa án nhân dân tối cao trong đó có quy định: *“Nếu hết thời gian thử thách mà người bị kết án treo không phạm tội gì mới thì sẽ coi như không có tiền án. Những hình phạt phụ mà Tòa án có thể đã tuyên như cấm cư trú hoặc cư trú bắt buộc cũng đương nhiên được xóa. Nếu phạm tội mới cùng tính chất và nhẹ hơn tội cũ thì khi hết thời gian thử thách, bản án treo cũ cũng vĩnh viễn không phải chấp hành nữa”*[24; tr.256]; hoặc trong Công văn số 1082/NCLP của TANDTC ngày 5/7/1963 cũng khẳng định: *“Tòa án không thể coi một người đã bị án treo nhưng đã được xóa bỏ, nay lại phạm tội mới như là tái phạm”* [24; tr.270].

Như vậy, từ rất sớm, xóa án tích đã được ghi nhận là một trong những nguyên tắc xử lý hình sự quan trọng trong pháp luật hình sự Việt Nam.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến trước năm 1999

Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, những vấn đề liên quan đến án tích và xóa án được pháp điển hóa trong Bộ luật hình sự năm 1985 từ Điều 52 đến Điều 56 và Điều 67. Sau khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành, để giúp cho việc áp dụng những quy định về xóa

án được thống nhất, nhằm tránh những sai sót không đáng có, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành các thông tư, nghị quyết... hướng dẫn thi hành. Ngày 01/08/1986, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) phối hợp ban hành Thông tư liên ngành số 02/TTLN về việc xóa án và sau đó là Thông tư 03/89/TTLN ngày 15/07/1989 hướng dẫn bổ sung về việc xóa án. Tiếp theo đó, ngày 05/07/1990, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 140/NCPL hướng dẫn việc xóa án đối với người được hưởng án treo. Bên cạnh đó, vấn đề lệ phí xóa án cũng được quy định trong Thông tư số 02/NCPL ngày 28/04/1989 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy là lần đầu tiên được pháp điển hóa, nhưng những vấn đề liên quan đến xóa án đã được quy định và hướng dẫn khá chi tiết, cụ thể. Sở dĩ có sự quy định đầy đủ như vậy. Vì xóa án được coi như là một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản; Mục đích của xóa án là nhằm xóa bỏ những mặc cảm của người bị kết án, động viên họ trở về cuộc sống lương thiện. Ngoài ra, xóa án còn có tác dụng hỗ trợ cho công tác cải tạo, giáo dục người đang chấp hành hình phạt tin tưởng vào tương lai, vào sự công bằng của xã hội. Nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện đúng với những quy định này trong quá trình xóa án, không chỉ có tác dụng thiết thực đối với người bị kết án mà còn có tác dụng rất lớn đối với người đang thi hành án tích cực cải tạo, xóa đi những mặc cảm xã hội về quá khứ của mình.

Điều 52 quy định: "*Người bị kết án được xóa án theo quy định ở các Điều 53 đến Điều 56. Người được xóa án coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận*".

Theo quy định tại Điều 52 thì cơ sở pháp lý của việc xóa án là những quy định của Bộ luật hình sự, mà cụ thể hơn là từ Điều 53 đến Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1985. Mặt khác, Điều 52 cũng chỉ rõ, hậu quả của việc xóa án, đó là người được xóa án coi như chưa can án. Vì vậy, sau khi được cấp giấy chứng nhận xóa án hoặc sau khi được Tòa án ra quyết định xóa án thì

trong giấy tờ về căn cước, lý lịch cấp cho họ phải ghi "*chưa can án*". Người đã được xóa án mà sau lại phạm tội mới thì không được căn cứ vào những tiền án đã được xóa án mà coi như là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Tuy nhiên, bằng quy định "*Người được xóa án coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận*" đã tạo ra những cách hiểu khác nhau về vấn đề này. *Thứ nhất*, khi một người được xóa án thì đương nhiên họ sẽ được cấp giấy chứng nhận, tức là việc cấp giấy chứng nhận là nghĩa vụ đương nhiên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này không phù hợp với những quy định của Bộ luật hình sự về xóa án. Vì xóa án được thực hiện theo hai hình thức chủ yếu là đương nhiên xóa án và xóa án theo quyết định của Tòa án. Nếu là xóa án theo quyết định của Tòa án thì việc cấp giấy chứng nhận là quyền của Tòa án khi người xin xóa án đáp ứng được đầy đủ những điều kiện, thủ tục của xóa án. Hơn nữa, trong trường hợp này, Tòa án ra quyết định xóa án chứ không phải là giấy chứng nhận như trong trường hợp đương nhiên xóa án. Do vậy, quy định trên là không phù hợp.

Thứ hai, là từ "*và*" sẽ đưa ra cách hiểu để được xóa án phải có một điều kiện bắt buộc phải có là người được xóa án chỉ được coi là chưa can án khi được cấp giấy chứng nhận, tức là giấy chứng nhận xóa án là một trong những giấy tờ buộc phải có. Điều này cũng không phù hợp với quy định của luật hình sự về xóa án, vì trong trường hợp đương nhiên xóa án, người được xóa án có thể có hoặc có thể không cần xin giấy chứng nhận.

Áp dụng các quy định tại Điều 52 thì việc xóa án được thực hiện theo các quy định tại các Điều 53 đến Điều 56 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở phân tích và nghiên cứu các điều luật này, theo quy định mà các nhà làm luật đã đưa ra, việc xóa án sẽ được chia thành: Xóa án đương nhiên, xóa án theo quyết định của Tòa án. Còn xóa án trong trường hợp đặc biệt cũng có thể thuộc trường hợp thứ nhất hoặc trường hợp thứ hai.

Kết luận Chương 1

Trong chương 1, luận văn tập trung phân tích, đánh giá quan điểm trong khoa học về án tích, xóa án tích. Từ đó đưa ra khái niệm, bản chất cũng như đặc điểm pháp lý của án tích và xóa án tích. Qua nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, có thể thấy, chế định xóa án tích đã được ghi nhận từ rất sớm trong pháp luật hình sự nước ta và ngày càng được hoàn thiện cả về nội dung cũng như kỹ thuật lập pháp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, pháp luật hình sự Việt Nam vẫn chưa đưa ra một khái niệm pháp lý chuẩn mực về án tích và xóa án tích. Trong khi đó, việc làm sáng tỏ khái niệm án tích và xóa án tích có ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn rất quan trọng. Nó không chỉ giúp nhận thức đúng đắn những vấn đề lý luận về án tích và xóa án tích mà còn giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng đúng đắn các quy định của Luật hình sự về việc xóa án tích, đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người cũng như nâng cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH

2.1. Quy định về các trường hợp và điều kiện xóa án tích

2.1.1. *Đương nhiên xóa án tích*

Trường hợp này được quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999. Mặc dù điều luật này không đưa ra khái niệm về đương nhiên xóa án tích, nhưng theo quan niệm phổ biến thì đương nhiên xóa án tích được hiểu là trường hợp được coi là chưa bị án mà không có sự xem xét, quyết định của Tòa án [13 , tr.44]. Như vậy, bản chất của trường hợp đương nhiên xóa án tích là Đối với người đương nhiên được xóa án tích, họ có quyền đề nghị Tòa án ra quyết định xóa án tích đối với mình nếu họ thỏa mãn các điều kiện trong điều 64 và Tòa án không có quyền từ chối.

Theo quy định tại Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999, những người sau đây sẽ đương nhiên được xóa án tích:

1. Người được miễn hình phạt.

2. Người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;

c) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

d) Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù trên mười lăm năm.

Như vậy, Điều 64 BLHS 1999 quy định rõ đối tượng và điều kiện đương nhiên được xóa án tích:

* Về đối tượng:

Những người sau đây đương nhiên xóa án tích:

Thứ nhất, người được miễn hình phạt. Theo quy định tại Điều 54 BLHS 1999 thì “*Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự*”.

Như vậy, người phạm tội chỉ được miễn hình phạt nếu thỏa mãn điều kiện sau: 1) có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS; 2) phạm tội trong trường hợp đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức miễn trách nhiệm hình sự. Đây là những điều kiện để được miễn hình phạt, chứ không phải là điều kiện đương nhiên xóa án tích.

Thứ hai, người bị kết án không phải về các tội quy định tại chương XI “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia*” và chương XXIV “*Các tội phá hoại hòa bình chống loài người và tội phạm chiến tranh*”.

* Về điều kiện

+ Người được miễn hình phạt đương nhiên được xóa án tích sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật mà không cần có điều kiện kèm theo.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, đối với những người được miễn hình phạt nhưng phải thi hành các quyết định khác của bản án như: án phí, bồi thường thiệt hại...thì chỉ được đương nhiên xóa án tích khi đã chấp hành xong các quyết định đó. Chúng tôi cho rằng, ý kiến đó là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì Khoản 1 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 không gắn việc xóa án tích của người được miễn hình phạt với điều kiện chấp hành xong bản án. Điều kiện chấp hành xong bản án chỉ gắn với các trường hợp xóa án tích khác được quy định tại điểm 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999 mà thôi.

+ Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 64, thì chỉ đương nhiên được xóa án tích nếu hội tụ đủ hai điều kiện sau: 1) Họ không phạm

các tội quy định tại Chương XI (các tội xâm phạm ANQG) và các tội quy định tại Chương XXIV (các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và phạm tội chiến tranh) của BLHS năm 1999; 2) Họ không phạm tội mới trong thời hạn nhất định kể từ ngày chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án, cụ thể là:

a) *Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;*

b) *Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;*

c) *Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;*

** Thủ tục cấp giấy chứng nhận xóa án tích*

Thủ tục cấp giấy chứng nhận xóa án tích đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích được quy định cụ thể tại Điều 270 BLTTHS năm 2003, với nội dung: “*Theo yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích quy định tại Điều 64 của Bộ luật hình sự, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án cấp Giấy chứng nhận là họ đã được xóa án tích*”. Với quy định trên thì người muốn được cấp Giấy chứng nhận xóa án tích phải nộp đơn xin xóa án tích tại Tòa án đã xử sơ thẩm. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên ngành số 02/TTLNN ngày 01/8/1986 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Bộ Tư pháp hướng dẫn thì hồ sơ xóa án tích cần có các tài liệu sau đây:

- Đơn yêu cầu xóa án tích của đương sự;

- Bản sao bản án;

- Các giấy tờ chứng minh việc đã chấp hành xong bản án: Nếu là hình phạt tiền thì có biên lai nộp tiền. Trường hợp bị phạt cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội cần Giấy chứng nhận của Công an huyện quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị kỷ luật của quân đội nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam

giữ hoặc cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội. Trường hợp bị phạt tù, cần Giấy chấp hành xong hình phạt tù.

Nếu người bị kết án còn bị áp dụng hình phạt bổ sung, thì tùy trường hợp phải có giấy tờ như: chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú; biên lai nộp tiền phạt,...

Nếu bản án có quyết định về bồi thường thiệt hại, án phí thì người bị kết án phải nộp những giấy tờ chứng minh đã bồi thường xong, biên lai nộp án phí.

Có thể kèm theo các văn bản chứng minh cho quá trình chấp hành bản án của mình như Quyết định của Tòa án giảm thời gian chấp hành hình phạt...

- Giấy tờ chứng minh không phạm tội mới: Giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi họ thường trú là họ đã không phạm tội mới trong thời gian mà pháp luật đã quy định để được xóa án tích (như: người được hưởng án treo phải không phạm tội mới trong thời hạn một năm từ khi chấp hành xong thời gian thử thách; người bị hình phạt tù đến 3 năm không phạm tội mới trong thời gian 3 năm sau khi đã chấp hành xong các hình phạt và các quyết định khác của Tòa án...).

Chánh án Tòa án ký Giấy chứng nhận xóa án và nếu cần thiết thì phải tiến hành những biện pháp xác minh.

Giấy chứng nhận xóa án được cấp cho người đã được xóa án và sao gửi cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó thường trú.

Nếu xét thấy người bị kết án chưa đủ điều kiện để được xóa án thì Chánh án Tòa án trả lời cho người đó biết.

Như vậy, có thể thấy, BLHS năm 1999 đã quy định hai trường hợp đương nhiên được xóa án tích với những điều kiện cụ thể, chặt chẽ. Điều này

đã tạo điều kiện thuận lợi ban đầu cho những người bị kết án có thể được xóa án tích khi đủ điều kiện luật định.

2.1.2. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án

Điều 65 BLHS năm 1999 quy định:

“1. Toà án quyết định việc xoá án tích đối với những người đã bị kết án về các tội quy định tại Chương XI và Chương XIV của Bộ luật này, căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị phạt tù đến ba năm mà không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

b) Đã bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn bảy năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

c) Đã bị phạt tù trên mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án.

2. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích.”

Bản chất của trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án là đòi hỏi có sự xem xét và quyết định của Tòa án đối với một số đối tượng và dựa trên những điều kiện chặt chẽ. Nếu như ở trường hợp đương nhiên xóa án tích, chỉ cần người phạm tội đáp ứng đủ điều kiện luật định về thời hạn xóa án tích và không phạm tội mới thì khi có yêu cầu, Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận xóa án tích, thì trong trường hợp người

muốn được xóa án tích theo quyết định của Tòa án lại phụ thuộc phần lớn vào sự đánh giá, xem xét và quyết định của Tòa án.

** Về đối tượng*

Căn cứ vào quy định tại Điều 65 BLHS, thì việc xóa án tích theo quyết định của Tòa án chỉ đặt ra đối với các đối tượng sau đây:

- Người bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.
- Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu và người bị bác đơn xin xóa án tích lần thứ hai.

** Về điều kiện*

- Đối với người bị kết án về các tội quy định tại Chương XI (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và các tội quy định tại Chương XXIV (các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) BLHS năm 1999, thì ngoài điều kiện bắt buộc là thời gian thử thách được tính từ khi chấp hành xong bản án và điều kiện không phạm tội mới trong khoảng thời gian đó, khi xem xét, quyết định xóa án tích đối với người bị kết án Tòa án còn căn cứ vào:

Một là, tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và lao động của người bị kết án.

Đây là những điều kiện bổ sung cần thiết, khác với điều kiện đương nhiên xóa án tích. Vấn đề đặt ra là Tòa án sẽ đánh giá thế nào về tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án? Tính chất của tội phạm sẽ được thể hiện thông qua tính chất quan trọng của khách thể, hậu quả tội phạm, lỗi, mặt khách quan và chủ quan của tội phạm. Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc tính, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người, bao gồm đặc điểm xã hội (quốc tịch, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng, tuổi, trình độ văn hóa, địa vị xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, kinh tế...), đặc điểm pháp lý hình sự (tiền án, tiền sự...), đặc điểm tâm sinh lý (tuổi, giới tính, quan điểm, thói quen, tình cảm...). Các yếu tố về tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người

phạm tội thường được đánh giá và thể hiện trong bản án của Tòa án như họ đã phạm tội gì, giữ vai trò như thế nào khi thực hiện tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thế nào, có tái phạm, tái phạm nguy hiểm không, những biểu hiện hành vi khác trong quá trình điều tra xét xử. Đồng thời cũng căn cứ vào việc sau khi chấp hành xong bản án, nhân thân người phạm tội có sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực hay không. Còn về thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án thì Tòa án sẽ thông qua bản nhận xét và giấy tờ xác nhận của cơ quan thi hành án, cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương nơi người bị kết án làm việc hoặc thường trú người bị kết án là có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chính sách và tích cực lao động cải tạo (nếu có khả năng lao động) ở địa phương hay không. Người có thái độ chấp hành pháp luật và lao động tốt là người thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, không vi phạm pháp luật và tích cực tham gia vào hoạt động lao động cũng như hoạt động xã hội. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Điều 3 Mục II Thông tư liên ngành số 02/1986 thì *“chỉ coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật, những trường hợp đã bị xử phạt hành chính về những hành vi phạm pháp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm về hình sự mà không chịu sửa chữa. Đối với những trường hợp chỉ là việc vi phạm nhỏ nhặt thì không nên căn cứ vào đó mà không cho xóa án”* [25, tr.67]. Có thể thấy, pháp luật không quy định rõ ràng căn cứ đánh giá tính chất tội phạm, nhân thân cũng như thái độ chấp hành pháp luật, lao động của người bị kết án như thế nào mới đủ điều kiện để được xóa án tích theo quy định tại Điều 65 BLHS năm 1999. Vì vậy, trên thực tế, việc đánh giá và xem xét những yếu tố này phụ thuộc lớn vào cách nhìn nhận, quan điểm xét xử cũng như trình độ chuyên môn của Tòa án các cấp.

Hai là, người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn luật định từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. Tùy thuộc vào mức hình phạt mà BLHS năm 1999 quy định thời hạn xóa án tích với các mức, cụ thể:

- Thời hạn là ba năm nếu bị phạt tù đến ba năm;
- Thời hạn là bảy năm nếu bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;
- Thời hạn là mười năm nếu bị phạt tù trên mười lăm năm.

So sánh với trường hợp đương nhiên xóa án tích thì thời hạn thử thách để xóa án tích do Tòa án quyết định dài hơn. Ví dụ như A và B cùng bị kết án phạt bốn năm tù. Đến ngày 10/2/2004, A và B cùng chấp hành xong bản án. Nhưng A bị kết án về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 64 BLHS, thời hạn xóa án tích là năm năm, nên đến ngày 10/2/2009, A đã đương nhiên được xóa án tích. Trong khi đó, B bị kết án về “*Tội khủng bố*” theo khoản 3 Điều 84 BLHS năm 1999 thì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 65 BLHS năm 1999, thời hạn xóa án tích là bảy năm, nên đến ngày 10/2/2011, B mới được xin xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Xuất phát từ tính chất đặc biệt nguy hiểm của các tội được quy định tại Chương XI và Chương XXIV, nên thời hạn xóa án tích dài hơn. Điều đó đã thể hiện chính sách xử lý là nghiêm trị đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và an ninh nhân loại được quy định tại Chương XI và Chương XXIV.

Xem xét khoản 1 Điều 65 BLHS thấy rằng, quy định này không đề cập tới thời hạn xóa án tích đối với những trường hợp phạm tội thuộc Chương XI hoặc Chương XXIV BLHS năm 1999 mà bị áp dụng hình phạt không phải hình phạt tù như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ. Phải chăng đây là sự thiếu sót trong quy định của pháp luật? Tuy nhiên, nếu rà soát các quy định về tội phạm thuộc Chương XI và Chương XXIV từ Điều 78 đến Điều 92, từ Điều 341 đến Điều 344 BLHS năm 1999, có thể thấy, hình phạt được áp dụng đối với các tội phạm này đều là hình phạt tù trở lên. Như vậy, quy định về thời hạn xóa án tích theo khoản 1 Điều 65 BLHS là hợp lý cả về thực tế và kỹ thuật lập pháp.

- Đối với người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu thì điều kiện là: Phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích.

Có thể thấy, điều kiện để được xóa án tích theo quyết định của Tòa án được quy định chặt chẽ hơn so với trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Người bị kết án có được xóa án tích hay không điều đó không chỉ phụ thuộc vào sự cố gắng nỗ lực hoàn lương, hòa nhập với cuộc sống của người phạm tội mà còn phụ thuộc vào sự đánh giá và quyết định của Tòa án xem liệu sự cố gắng và nỗ lực đó của người phạm tội đã đủ để chứng minh họ đã thực sự hoàn lương hay chưa. Vì vậy, có thể xảy ra trường hợp người bị kết án bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích. Theo quy định tại khoản 2 Điều 65 BLHS. Nếu bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu thì phải chờ sau một năm kể từ ngày bị bác đơn lần đầu mới được xin xóa án tích lại, nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm sau tính từ ngày bị bác đơn xin xóa án gần nhất mới được xin xóa án tích. Có ý kiến cho rằng, khoản 2 Điều 65 BLHS này áp dụng đối với mọi người xin xóa án tích từ lần hai trở đi mà không phân biệt người bị Tòa án bác đơn lần đầu là người đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 64 BLHS hay là người xóa án tích theo quy định tại Điều 65 của BLHS. Nghĩa là, người đương nhiên được xóa án tích nếu bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu thì cũng phải chờ sau một năm từ ngày bị bác đơn mới được nộp đơn xin xóa án tích tiếp. Theo chúng tôi, quan điểm trên chưa thực sự hợp lý, bởi đối với trường hợp đương nhiên được xóa án tích thì chỉ cần đảm bảo đủ điều kiện của luật định là được đương nhiên xóa án tích mà không cần sự xem xét, quyết định của Tòa án. Giả sử, nếu lần đầu người đương nhiên được xóa án tích xin xóa án tích bị trả lại đơn do chưa hết thời hạn xóa án tích thì chỉ cần đến thời điểm hết thời hạn để được xóa án tích là người đó đương nhiên có quyền nộp đơn xin xóa án tích mà không cần chờ một năm sau hay hai năm sau kể từ ngày bị bác đơn xin xóa án tích lần đầu. Quy định như vậy mới thực sự đảm bảo được quyền của

người đương nhiên xóa án tích cũng như đảm bảo đúng tính chất “*đương nhiên*” của trường hợp xóa án tích theo quy định Điều 64 BLHS. Vì vậy, quy định tại khoản 2 Điều 65 BLHS chỉ phù hợp với trường hợp xóa án theo quyết định của Tòa án.

** Thủ tục Tòa xem xét, quyết định xóa án tích*

Do tính chất nguy hiểm của đối tượng được xóa án tích theo quyết định của Tòa án mà thủ tục xóa án tích trong trường hợp này cũng phức tạp hơn trường hợp trường hợp đương nhiên xóa án tích. Điều 271 BLTTHS năm 2003 quy định:

“1. Trong những trường hợp quy định tại Điều 65 và Điều 66 của Bộ luật Hình sự, việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án kèm theo nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc;

2. Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm chuyển tài liệu về xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp để phát biểu ý kiến bằng văn bản. Nếu xét thấy đủ điều kiện thì Chánh án ra quyết định xóa án tích; trong trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích”.

Với quy định trên thì thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án được tiến hành cụ thể như sau:

- Người muốn xin xóa án tích phải làm đơn gửi cho Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án và kèm theo đơn phải có những giấy tờ chứng minh họ có đủ những điều kiện xóa án tích bao gồm: bản sao bản án, biên lai nộp tiền án phí và các khoản bồi thường thiệt hại,... giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù, xác nhận của cơ quan công an cấp huyện với nội dung từ khi chấp hành xong bản án đến nay chưa phạm tội mới. Đồng thời cũng phải có giấy chứng nhận của UBND xã, phường nơi họ thường trú về thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động của họ ở địa phương.

- Sau khi nhận đơn, Tòa án kiểm tra những điều kiện được xóa án tích và nếu cần thì tiến hành những biện pháp xác minh. Nếu hồ sơ đầy đủ thì

Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp để Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về người bị kết án có đủ điều kiện được xóa án tích hay không. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện trưởng Viện Kiểm sát phải phát biểu ý kiến và gửi trả hồ sơ cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm sẽ lập một Hội đồng xét duyệt do Chánh án chủ trì để quyết định xem có đủ điều kiện xóa án tích hay không. Chánh án có quyền ra Quyết định xóa án tích hoặc bác đơn xin xóa án. Quyết định xóa án tích phải gửi cho người bị kết án, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND xã, phường nơi người được xóa án thường trú. Trường hợp bác đơn xin xóa án tích thì phải nêu rõ lý do.

- Viện Kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, đối với quyết định xóa án tích. Nếu quyết định của Chánh án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có sai lầm thì có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích. Nếu bị bác đơn lần hai thì phải sau hai năm mới lại được xin xóa án tích. Những lần sau xin xóa án tích thì người đã bị kết án chỉ cần nộp thêm những giấy tờ chứng minh đã khắc phục những thiếu sót trước đây là nguyên nhân làm cho họ chưa được xóa án tích.

Như vậy, thủ tục ra Quyết định xóa án tích được quy định chặt chẽ hơn với sự phối hợp, tham khảo ý kiến của nhiều cơ quan có liên quan (Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Công an, UBND...). Điều này thể hiện sự thận trọng trong việc xóa án tích đối với những tội phạm có tính nguy hiểm cao.

2.1.3. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt

Nhằm khuyến khích người phạm tội tích cực cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng và lập công chuộc tội, cống hiến cho xã hội, BLHS quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt.

Theo quy định tại Điều 66 BLHS 1999 “*Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức*

noi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định.”

Từ quy định trên cho thấy bản chất của trường hợp xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là việc rút ngắn thời hạn để được xóa án tích sớm so với thời hạn chung dựa trên các yếu tố tiến bộ của người phạm tội. Những yếu tố tiến bộ là sau khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người phạm tội tích cực tham gia làm ăn lương thiện, hoà nhập vào cộng đồng, chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, có những thành tích xuất sắc trong lao động, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận.

*** Về đối tượng:**

Không phân biệt người bị kết án đã bị kết án về tội gì, nghĩa là họ có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị thì có thể được Tòa án xóa án tích trước thời hạn. Với bản chất là trường hợp rút ngắn thời hạn để được xóa án tích sớm so với thời hạn chung dựa trên các yếu tố tiến bộ của người phạm tội nên đối tượng áp dụng trong trường hợp này có thể là người xin xóa án thuộc cả trường hợp quy định tại Điều 64 và Điều 65 BLHS năm 1999, nghĩa là không phân biệt người xin xóa án tích bị kết án về tội gì.

*** Về điều kiện**

Để được xóa án tích trong trường hợp đặc biệt đòi hỏi phải có đủ ba điều kiện sau:

Thứ nhất, sau khi chấp hành xong bản án đã có sự tiến bộ rõ rệt và đã lập công. Để đáp ứng điều kiện này đòi hỏi phải có đủ hai nội dung: là có biểu hiện tiến bộ rõ rệt và lập công. Tại điểm a Điều 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS

năm 1999 giải thích "*Có tiến bộ rõ rệt*" là "*sau khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án đã hoà nhập vào cộng đồng, tham gia làm ăn lương thiện, chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước...*" [26; tr.29]. Như vậy, sự tiến bộ rõ rệt ở đây chính là thái độ quyết tâm hòa nhập cộng đồng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và thái độ đó đã được thể hiện bằng hành động "*đã lập công*". Đã lập công được hiểu là "*có thành tích xuất sắc trong cuộc sống, trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận*". Ví dụ như người bị kết án đã cứu được người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng hay phát hiện, tố giác tội phạm... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, chứng nhận. Hai nội dung này phải đảm bảo đủ nhằm chứng tỏ sự cố gắng nỗ lực hoàn lương của người phạm tội trong thời gian thử thách.

Thứ hai, được cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương nơi người đó cư trú hoặc làm việc, đề nghị xin xóa án tích trước thời hạn. Đơn đề nghị xin xóa án tích sớm là căn cứ có tính chất bắt buộc để Tòa án xem xét việc xóa án tích trước thời hạn cho người bị kết án.

Thứ ba, người xin xóa án tích phải đảm bảo chấp hành tối thiểu 1/3 thời hạn để được xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 BLHS năm 1999. Ví dụ người thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 được chính quyền địa phương có văn bản đề nghị Tòa án xóa án tích trong trường hợp đặc biệt thì người đó đã phải đảm bảo ít nhất là một năm trong thời hạn quy định là ba năm. Đối với trường hợp người bị kết án thuộc đối tượng được xóa án tích theo quyết định của Tòa án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 thì người đó phải đảm bảo ít nhất là hai năm bốn tháng của thời hạn quy định là bảy năm. Việc quy định một mức thời hạn tối thiểu (1/3 thời hạn chung) của BLHS năm 1999 so với việc quy định hai hạn mức thời hạn tối thiểu của BLHS năm 1985 (từ 1/3 đến 1/2 thời hạn chung) đã

tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án trong việc áp dụng thống nhất quy định về xóa án tích. Đồng thời, việc giảm thời hạn xóa án tích so với quy định tại Bộ luật hình sự năm 1985 này rõ ràng đã có tác dụng động viên khuyến khích người bị kết án tham gia vào những hoạt động xã hội có ích, giúp họ nhanh chóng hòa nhập hơn vào cuộc sống.

*** Về thủ tục**

Theo quy định tại Điều 271 BLTTHS 2003, thủ tục xóa án tích trong trường hợp đặc biệt được quy định tương tự trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Tức là, người xin xóa án tích sẽ nộp đơn xin xóa án cùng các văn bản, giấy tờ chứng minh việc chấp hành bản án cũng như không phạm tội mới trong thời gian xóa án tích và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về những tiến bộ rõ rệt của người đó. Tòa án sẽ xem xét và quyết định cho xóa án tích theo trường hợp đặc biệt hay không.

Quy định về trường hợp xóa án tích đặc biệt này đã thể hiện chính sách nhân đạo vô cùng sâu sắc của pháp luật Việt Nam, nâng cao tinh thần tự nguyện sửa đổi của những người phạm tội. Mặc dù phạm bất cứ tội phạm nào, nếu thực sự có nỗ lực cải tạo, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi để người phạm tội sớm quay về với cộng đồng.

2.1.4. Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội

Người chưa thành niên là một đối tượng đặc biệt trong pháp luật hình sự Việt Nam. Việc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội luôn đề cao chính sách nhân đạo cũng như tuân theo nguyên tắc riêng. Xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 77 BLHS năm 1999 cũng đã thể hiện chính sách nhân đạo lấy mục đích giáo dục là chủ yếu trong việc xử lý trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội nên chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xóa án tích đối với trường hợp này.

Điều 77 BLHS 1999 quy định như sau:

“1. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật này.

2. Người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật này, thì không bị coi là có án tích.”

Từ quy định trên cho thấy:

** Về đối tượng*

Đối tượng áp dụng trong trường hợp này là người chưa thành niên phạm tội và bị áp dụng hình phạt. Do đó khi có yêu cầu xóa án tích của người chưa thành niên phạm tội thì người có yêu cầu có thể là người chưa thành niên hoặc người đã thành niên. Người chưa thành niên bị áp dụng các biện pháp tư pháp thì không xác định là có án tích.

** Về điều kiện*

Khoản 1 Điều 77 chỉ quy định là *“Thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của BLHS”*. Do đó, điều kiện để xóa án tích đối với người chưa thành niên là:

- Người chưa thành niên phạm tội đã bị kết án (không phân biệt đã bị kết án về tội gì) và bị áp dụng hình phạt.

- Không phạm tội mới trong một thời hạn nhất định kể từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. Thời hạn đó, theo quy định tại Điều 77 BLHS là:

+ Sáu tháng đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

+ Một năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù đến ba năm;

+ Hai năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

+ Ba năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên mười lăm năm.

Luật không quy định rõ là người chưa thành niên phạm tội gì thì áp dụng quy định về thời hạn này. Nên phải chăng người chưa thành niên phạm

mọi tội phạm không phân biệt tội phạm thuộc Chương XI, Chương XXIV hay không thì đều áp dụng thời hạn này? Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, xuất phát từ chính sách nhân đạo đặc biệt cũng như nguyên tắc lấy mục đích giáo dục là chủ yếu trong việc xử lý trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội nên đối với người chưa thành niên phạm tội thì chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xóa án tích mà không áp dụng hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định [14, tr.26]. Tức là trong trường hợp này, dù người chưa thành niên phạm bất cứ tội gì, chỉ cần đảm bảo điều kiện không phạm tội mới trong thời hạn vừa nêu thì sẽ được đương nhiên xóa án tích. Chúng tôi cũng đồng tình với quan điểm trên.

* Về thủ tục:

Thủ tục xin xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội cũng thực hiện theo quy định về thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích, được quy định tại Điều 270 BLTTHS 2003 và hướng dẫn tại Mục III của Thông tư liên ngành số 02/1986.

2.2. Quy định về thời hạn xóa án tích

2.2.1. Căn cứ và cách tính thời hạn xóa án tích

Vấn đề thời hạn và cách thức xác định thời hạn trong pháp luật hình sự luôn là một vấn đề phức tạp. Nhằm tạo cơ sở cho việc xác định thời hạn để xóa án tích, Điều 67 BLHS 1999 đã đưa ra các nguyên tắc về cách tính thời hạn như sau:

“1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới.

3. Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.”

** Căn cứ để xác định thời hạn*

Thời hạn để xóa án tích đối với cả trường hợp đương nhiên xóa án và xóa án tích theo quyết định của Tòa án là căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên đối với người bị kết án. Dựa vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên trong bản án là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo hoặc phạt tù có thời hạn mà xác định thời hạn để xóa án tích là một năm, ba năm, năm năm, bảy năm hoặc mười năm. Điều này hoàn toàn hợp lý bởi hình phạt chính là biểu hiện tập trung cao nhất sự đánh giá của Tòa án đối với hành vi phạm tội và người phạm tội. Đồng thời bản án kết tội bao giờ cũng có một hình phạt chính còn hình phạt bổ sung thì có thể có hoặc không.

Hình phạt chính đã tuyên phải là hình phạt chính được Tòa án tuyên bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bởi vậy, nếu bản án đã bị phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, thì hình phạt chính đã tuyên phải được hiểu là hình phạt được tuyên trong bản án cuối cùng có hiệu lực pháp luật.

2.2.2. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn xóa án tích

Trong các Điều 64, 65 và Điều 67 của BLHS quy định về xóa án tích thì đều có quy định chung về thời điểm để tính thời hạn được xóa án tích. Cụ thể là có hai thời điểm để tính thời hạn xóa án tích, đó là: 1) Từ khi người bị kết án chấp hành xong bản án; 2) hoặc là từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. Như vậy, BLHS quy định hai thời điểm bắt đầu thời hạn xóa án tích:

Thời điểm thứ nhất là ngày chấp hành xong bản án. Ngày chấp hành xong bản án là ngày chấp hành xong cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung cũng như các quyết định khác như bồi thường thiệt hại... được ghi nhận trong bản án chứ không phải là ngày chấp hành xong hình phạt chính. Bởi theo khoản 3 Điều 67 BLHS 1999 “*Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án*”, tức là việc chấp hành xong bản án phải là chấp hành xong mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước mà Tòa án đã ghi trong bản án. Tùy thuộc vào tội phạm người phạm tội đã thực hiện cũng như các chế tài hình

phạt điều luật quy định mà trong từng trường hợp, Tòa án có thể quyết định hình phạt chính, có thể có hoặc không, một hay nhiều hình phạt phụ và các biện pháp tư pháp khác.

Theo hướng dẫn tại điểm c Điều 11 Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP thì được coi là chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết khác của bản án trong các trường hợp sau đây:

- Người bị kết án tự mình đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án;

- Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, còn các quyết định về tài sản trong bản án hình sự đã có người nộp thay cho người bị kết án (người thân của người bị kết án đã bồi thường thay, đã nộp tiền án phí, tiền phạt... thay cho người bị kết án hoặc người cùng người bị kết án phải liên đới bồi thường đã bồi thường đủ toàn bộ theo quyết định của bản án);

- Người bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong trường hợp đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (nếu có).

Người được miễn chấp hành hình phạt còn lại được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

Đối với hình phạt cảnh cáo thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bản án coi như được chấp hành xong nếu như không có hoặc đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

Thời điểm thứ hai là ngày hết thời hiệu thi hành bản án.

Điều 55 BLHHS quy định:

“Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên”. Như vậy, hết thời hiệu thi hành bản án được hiểu là trường hợp người bị kết án vì một lý do khách quan nào đó như được hoãn chấp hành hình phạt tù nhiều lần, do sự sơ suất của cơ quan có thẩm quyền... nên người bị kết án

chưa chấp hành hình phạt và không trốn khỏi địa phương, không bị truy nã, không phạm tội mới trong thời hạn luật định và khi hết thời hạn này người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

Thời hiệu thi hành bản án được ghi nhận tại khoản 2, khoản 3 Điều 55 BLHS năm 1999 như sau:

“a. Năm năm đối với trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ ba năm trở xuống;

b. Mười năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

c. Mười lăm năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên mười lăm năm đến ba mươi năm.”

“Việc áp dụng thời hiệu đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình, sau khi đã qua thời hạn mười lăm năm, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.”

Thời hiệu thi hành án hình sự được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các quyết định về tài sản khác trong bản án hình sự như bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản, tịch thu tài sản, án phí.... thì theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, thời hạn thi hành án dân sự là năm năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Nếu trong thời hạn quy định này mà cá nhân được thi hành án, cơ quan tổ chức được thi hành án đã có đơn gửi cơ quan thi hành án yêu cầu thi hành án hoặc Thủ trưởng cơ quan thi hành án đã chủ động ra quyết định thi hành án, thì chỉ khi nào người bị kết án thi hành xong các quyết định về tài sản hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án thì mới được coi là đã chấp hành xong các quyết định của Tòa án về tài sản trong bản án hình sự. Đối với số tiền bồi thường thiệt hại nếu người được bồi thường là cá nhân tự nguyện không yêu cầu người bị kết án bồi thường (lập thành văn bản) thì được coi như người bị kết án đã bồi

thường xong kể từ ngày có văn bản không yêu cầu bồi thường (tôn trọng quyền định đoạt về tài sản của cá nhân). Trong trường hợp người được bồi thường là cá nhân mà trong thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã không có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền bồi thường thì kể từ ngày hết thời hiệu yêu cầu thi hành án cũng được xác định là hết thời hiệu thi hành bản án và cũng được tính để giải quyết việc xóa án tích. Đối với số tiền phải thu cho Nhà nước như tiền phạt tiền, án phí, lệ phí... mà trong thời gian năm năm kể từ ngày bản án quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án dân sự đã không ra quyết định thi hành án thì được xác định là hết thời hiệu thi hành bản án nên cũng được tính để giải quyết việc xóa án tích.

Như vậy, hết thời hiệu thi hành án, quyết định thì mới bắt đầu tính thời hạn xóa án tích theo khoản 2 Điều 64 và Điều 65 BLHS. Đối với người mà đã có quyết định của Tòa án thi hành bản án nhưng lẫn trốn việc thi hành và bị truy nã hoặc người được tạm hoãn thi hành án thì thời gian lẫn trốn hoặc thời gian tạm hoãn không được tính vào thời hiệu thi hành án (theo điểm a Mục V Thông tư liên ngành số 02/1986).

Pháp luật hình sự quy định cả hai thời điểm bắt đầu tính thời hạn xóa án tích đối với cả trường hợp đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, quy định này là chưa hợp lý đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Bởi Điều 56 BLHS quy định “*không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với tội quy định tại các Chương XI và Chương XXIV BLHS*” nhưng tại Điều 65 về xóa án tích theo quyết định của Tòa án đối với những người bị kết án về tội quy định tại hai chương này thì căn cứ tính thời hạn xóa án tích là từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. Như vậy, chưa có sự thống nhất giữa các quy định về việc không áp dụng thời hiệu thi hành án với quy định về xóa án tích trong trường hợp người phạm tội tại Chương XI và Chương XXIV.

2.3. Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về xóa án tích

Theo chúng tôi, quy định của BLHS 1999 về xóa án tích có những bất cập, hạn chế sau đây:

- *Thứ nhất*, việc coi mọi trường hợp phạm tội mới do cố ý hoặc do vô ý đều làm phát sinh án tích và xem xét để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm là thiếu hợp lý. Đối với người phạm tội do vô ý, người phạm tội không hề có ý thức phạm tội; họ chỉ phạm tội do chủ quan hoặc sơ suất mà cho là có án tích là không phù hợp với bản chất và mục đích của án tích. Ngay trong BLHS, tái phạm, tái phạm nguy hiểm không hề được coi là tình tiết định khung tăng nặng đối với các tội phạm vô ý.

- *Thứ hai*, thời hạn để xóa án tích là quá dài, không đáp ứng yêu cầu tái hòa nhập cộng đồng của người bị áp dụng hình phạt, nhất là hình phạt tù; chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án nhanh chóng trở thành người có ích cho xã hội, trở thành những công dân bình thường. Quy định này cũng phần nào hạn chế quyền con người theo quy định của Hiến pháp.

- *Thứ ba*, việc quy định các trường hợp xóa án Tòa án quyết định là trái với bản chất của án tích. Là hậu quả pháp lý, hình thức trách nhiệm phái sinh của hình phạt, án tích phát sinh đối với một người khi người đó bị áp dụng hình phạt và kết thúc một thời gian nhất định khi hình phạt được thi hành xong mà không ai có quyền quyết định khi người đó không phạm tội mới.

Đặc biệt, án tích là hình thức trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đã thực hiện. Nhưng BLHS lại quy định khi xem xét, quyết định xóa án tích. Tòa án phải căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án là không đúng. Bởi vì, các yếu tố trên đã hoặc được Tòa án cân nhắc khi quyết định hình phạt hoặc là không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Việc quy định Tòa án cân nhắc các yếu tố trên để quyết định hoặc kéo dài thời hạn xóa án tích là

gián tiếp sửa đổi quyết định của chính mình, thậm chí là của Tòa án cấp cao hơn (phúc thẩm).

- *Thứ tư*, Điều 67 quy định việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án cũ gây ra những bất cập, hạn chế khả năng được xóa án tích của nhiều người bị kết án. Bởi vì, các quyết định của bản án gồm nhiều loại: về hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tịch thu vật, tiền bạc liên quan đến vụ án...), về dân sự (bồi thường thiệt hại, trả lại tài sản...), về án phí... Đặc biệt, việc bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp là khó khăn mà không phải người bị kết án nào cũng có thể thi hành nhanh chóng được; cho nên việc xóa án tích là không thể đối với họ...

Do những hạn chế, bất cập nêu trên của BLHS năm 1999 về xóa án tích mà trong thực tiễn áp dụng các quy định ở một số địa phương, trong đó có thủ đô Hà Nội gặp không ít khó khăn, vướng mắc dẫn tới sai sót nhất định. Qua khảo sát 2350 trường hợp đương nhiên xóa án tích, 491 trường hợp xóa án tích theo quy định của Tòa án và 10 trường hợp xóa án tích đặc biệt tại thủ đô Hà Nội từ năm 2012 đến 2016 cho thấy, ngoài mặt tích cực, việc xóa án tích cho người bị kết án vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót cơ bản sau:

Một là, thường có sự nhầm lẫn giữa đương nhiên xóa án tích với xóa án tích do Tòa án quyết định. Đây là trường hợp người có yêu cầu xóa án tích bị Tòa án kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia, nhưng Tòa án có thẩm quyền xóa án tích lại áp dụng thời hạn xóa án tích quy định tại Điều 64 BLHS để cấp giấy chứng nhận xóa án tích này là không đúng.

Hai là, hồ sơ xóa án tích không đầy đủ tài liệu cần thiết nhưng Tòa án vẫn cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Thiếu sót này thường là:

- Người có yêu cầu xóa án tích đã không có giấy chứng nhận của Công an quận, huyện nơi họ thường trú là họ không phạm tội mới trong thời gian thử thách.

- Giấy xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự đã không cho biết rõ về người phải chấp hành án đã chấp hành xong số tiền bồi thường, tiền phạt, tiền án phí vào ngày, tháng, năm nào, mà chỉ xác nhận chung chung là đã chấp hành xong tiền bồi thường, tiền án phí. Đó đó, không biết chính xác ngày, tháng, năm chấp hành xong tiền bồi thường thiệt hại, tiền án phí... nên không xác định được người có yêu cầu xóa án tích đã đủ thời hạn để được xóa án tích hay không nhưng Tòa án vẫn cấp giấy chứng nhận xóa án tích.

- *Ba là*, người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định tại BLHS năm 1985 mà chấp hành xong bản án, nay có yêu cầu xóa án tích thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết về xóa án tích phải xác định tội đã bị kết án đó trong BLHS năm 1999 có còn quy định là tội xâm phạm an ninh quốc gia hay không. Nếu tội đã bị kết án đó mà nay BLHS năm 1999 không còn quy định là tội xâm phạm an ninh quốc gia và họ có đủ điều kiện để đương nhiên xóa án tích thì Tòa án phải căn cứ vào Điều 7, Điều 64 BLHS năm 1999 để cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho họ. Còn nếu tội đã bị kết án đó mà nay trong BLHS năm 1999 vẫn tiếp tục quy định là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia thì Tòa án đủ điều kiện để xóa án tích cho người bị kết án đủ điều kiện để xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Song trên thực tế, các Tòa án giải quyết vấn đề này chưa được thống nhất, v.v...

Kết luận Chương 2

Trong Chương 2, luận văn đã phân tích, bình luận các trường hợp xóa án tích theo quy định của BLHS hiện hành gồm: Đương nhiên xóa án tích, xóa án tích theo quyết định của Tòa án, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt, và xóa án tích cho người chưa thành niên. So với quy định của BLHS năm 1985 về xóa án tích thì quy định của BLHS năm 1999 hoàn thiện hơn và nhân đạo hơn. Điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án hòa nhập cộng đồng, ổn định làm ăn, sinh sống, xóa đi mặc cảm tội lỗi của mình.

Tuy nhiên, qua 15 năm áp dụng cho thấy các quy định về xóa án tích còn nhiều điểm hạn chế, bất cập dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Điều đó đã ảnh hưởng đến tác dụng của chế định xóa án tích trong việc động viên, khuyến khích người bị kết án tích cực cải tạo để nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng, trở thành một công dân bình thường trong xã hội.

Chương 3

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ XÓA ÁN TÍCH VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH ĐÓ TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích

3.1.1. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích

BLHS năm 2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Tuy nhiên, do BLHS năm 2015 mặc dù mới được ban hành nhưng còn nhiều hạn chế, bất cập, nhất là sai sót về kỹ thuật lập pháp nên không thể áp dụng từ ngày 01/7/2016. Do vậy, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2015, theo đó đã quyết định lùi hiệu lực thi hành của BLHS năm 2015 kể từ ngày 01/7/2016 cho đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành. Đồng thời giao cho TANDTC hướng dẫn thi hành điểm a và b cho người phạm tội của BLHS năm 2015 để thi hành.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết số 144/2016/QH13, TANDTC đã ban hành Công văn số 276/TANDTC ngày 13/9/2016 "*V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015*". Tại Công văn này, TANDTC đã thống nhất chỉ đạo:

"1. Kể từ ngày 01/7/2016 các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 và các quy định của BLTTHS năm 2015 để thi hành các quyết định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành.

2. Quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 bao gồm các quy định về xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn..., xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội.

3. Quy định của BLTTHS năm 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 các quy định về thủ tục tố tụng và áp dụng đối với các trường hợp... xóa án tích..."

Như vậy, mặc dù BLHS năm 2015 đã lùi hiệu lực thi hành, nhưng các quy định của Bộ luật này có lợi cho người phạm tội vẫn được áp dụng, trong đó có quy định về xóa án tích. Điều này, một lần nữa thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, tôn trọng và bảo vệ quyền con người của pháp luật hình sự Việt Nam.

So với quy định của BLHS năm 1999, quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích có những điểm mới cơ bản sau đây:

+ *Thứ nhất*, BLHS năm 2015 quy định thêm các trường hợp không có án tích, đó là:

- Người bị kết án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng với lỗi vô ý và người được miễn hình phạt (khoản 2 Điều 69);

- Người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng với lỗi cố ý hay vô ý và tội rất nghiêm trọng với lỗi vô ý (điểm b khoản 1 Điều 107);

- Người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng tại Mục 3 Chương XII.

+ *Thứ hai*, BLHS năm 2015 sửa đổi điều kiện được xóa án tích theo hướng có lợi hơn cho người bị kết án, cụ thể là:

- BLHS năm 2015 đã quy định về thời hạn xóa án tích trong trường hợp đương nhiên xóa án tích tại Điều 70 và xóa án tích theo quyết định của Tòa án tại Điều 71 theo hướng rút ngắn thời hạn được xóa án tích.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 tiếp tục rút ngắn thời hạn để Tòa án xem xét, quyết định xóa án tích từ 3 năm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 xuống 01 năm; sửa đổi điểm b khoản 2 theo hướng rút ngắn thời hạn xóa án tích từ 5 năm xuống 3 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 5 năm;

- BLHS năm 2015 quy định thời hạn xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên và thời điểm xóa án tích được tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách của án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án. Tuy nhiên, trong thời gian này cần phải chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Việc quy định như vậy có lợi cho người bị kết án, vì trong BLHS năm 1999 thời điểm xóa án được tính khi chấp hành xong bản án.

Mặt khác, trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công nhân và thời gian phải chấp hành án dài hơn thời hạn được xóa án tích quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 70 hoặc điểm a khoản 2 Điều 71 thì thời điểm xóa án tích là khi người phạm tội chấp hành xong hình phạt bổ sung.

- BLHS năm 2015 quy định trong trường hợp người bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời hạn thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hạn thi hành (khoản 2 Điều 73).

- BLHS năm 2015 quy định người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng thì đương nhiên xóa án tích trong thời hạn 3 năm (không căn cứ vào hình phạt chính) và cũng tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới. Trong khi đó, khoản 1 Điều 77 BLHS năm 1999 quy định thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên là 1/2 thời hạn quy định tại Điều 64 Bộ luật này.

+ *Thứ ba*, BLHS năm 2015 quy định về xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội, trong đó có tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì phải căn cứ

vào thời hạn quy định tại Điều 71 (trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án). BLHS năm 1999 không có quy định cụ thể về trường hợp này.

+ *Thứ tư*, BLHS năm 2015 đã đổi mới căn bản thủ tục xóa án tích theo hướng thuận lợi hơn cho người bị kết án, theo đó không quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người được đương nhiên xóa án tích, mà giao trách nhiệm cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án. Trường hợp xác định người bị kết án có đủ điều kiện xóa án tích theo quy định thì Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải ghi "*đã được xóa án tích*" vào lý lịch tư pháp của người đó và cấp Phiếu lý lịch tư pháp có ghi "*không có án tích*" khi được yêu cầu (khoản 4 Điều 70).

+ *Thứ năm*, cùng với việc quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (khoản 2 Điều 2 BLHS năm 2015), BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành phạm tội mới (Điều 89).

Như vậy, BLHS năm 2015 đã sửa đổi cơ bản chế định xóa án tích cho người bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng, ổn định làm ăn, sinh sống.

Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, quy định về xóa án tích trong BLHS năm 2015 vẫn còn có những hạn chế nhất định, cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để đảm bảo quyền lợi của người bị kết án cũng như áp dụng thống nhất trên thực tế.

3.1.2. Những hạn chế của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xóa án tích và kiến nghị hoàn thiện

Qua nghiên cứu các quy định của BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), chúng tôi thấy vẫn còn một số hạn chế sau đây:

+ *Một là*, BLHS năm 2015 chưa có quy định về cách tính thời hạn xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội và các tội phạm này đều thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Việc không quy định cụ thể trường hợp này dẫn đến các cách hiểu khác nhau, không thống nhất về cách tính thời hạn xóa án tích.

Ví dụ: A phạm nhiều tội, trong đó tội giết người (khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015) bị xử phạt 7 năm tù và tội trộm cắp tài sản (khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015) bị xử phạt 5 năm tù; hình phạt chung sẽ là 12 năm tù.

Đối với trường hợp này, thời hạn xóa án tích sẽ có hai cách hiểu sau:

- Sau khi chấp hành xong hình phạt chung là 12 năm tù thì thời hạn xóa án tích sẽ tính theo từng tội, căn cứ vào hình phạt chính: Tội giết người sẽ có thời hạn xóa án tích là 3 năm; tội trộm cắp tài sản là 2 năm.

- Thời hạn xóa án tích sẽ được tính dựa vào hình phạt chung là 12 năm tù, tức là thời hạn xóa án tích là 3 năm.

Như đã phân tích ở trên, BLHS năm 2015 đã quy định bổ sung về xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội, trong đó có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án, có tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích thì căn cứ vào thời hạn xóa án tích theo quyết định của Tòa án (khoản 3 Điều 73 BLHS năm 2015). Như vậy, có thể hiểu BLHS năm 2015 quy định việc xác định thời hạn xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội theo hướng căn cứ vào hình phạt chung chứ không xác định theo từng tội. Do đó, trường hợp phạm nhiều tội và đều thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích nên căn cứ vào hình phạt chung sau khi đã tổng hợp. Trong ví dụ trên, cách tính thứ hai sẽ hợp lý hơn.

Để có thể áp dụng thống nhất các quy định về xóa án tích trong trường hợp phạm nhiều tội, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 73 BLHS năm 2015 như sau:

"... trong trường hợp phạm nhiều tội và các tội đều thuộc trường hợp có án tích thì thời hạn xóa án tích quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật này phải căn cứ vào hình phạt chung sau khi đã tổng hợp".

+ Hai là, BLHS năm 2015 chưa quy định cụ thể về xóa án tích trong trường hợp có nhiều bản án.

Đây là trường hợp một người đã bị kết án (thuộc trường hợp có án tích) đang chấp hành hình phạt chính lại phạm tội mới thì theo quy định tại khoản 2 Điều 73, thời hạn xóa án tích được tính lại từ khi chấp hành xong hình phạt chính của bản án mới. Bản án mới trong trường hợp này phải là bản án được tổng hợp từ nhiều bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015. Vậy thời hạn xóa án tích trong trường hợp này phải tính dựa vào hình phạt chính sau khi đã tổng hợp hay là dựa vào hình phạt chính của từng bản án. Về vấn đề này, BLHS năm 2015 chưa quy định cụ thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau.

Ví dụ: A bị kết án 12 năm tù về tội giết người (khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015), mới chấp hành được 1 năm lại phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 134 và bị xử phạt 5 năm tù. Đối với trường hợp này phải tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015 là 5 năm tù + (12 năm - 1 năm) = 16 năm tù. Như vậy, khi chấp hành xong hình phạt chính 16 năm tù, thời hạn xóa án tích trong trường hợp này sẽ có hai cách hiểu khác nhau:

+ Cách hiểu thứ nhất, thời hạn xóa án tích được tính theo từng bản án, trong đó bản án về tội giết người có hình phạt chính là 12 năm tù thì thời hạn xóa án tích là 3 năm, bản án về tội cố ý gây thương tích có hình phạt chính là 5 năm tù thì thời hạn xóa án tích sẽ là 2 năm.

+ Cách hiểu thứ hai, thời hạn xóa án tích sẽ dựa vào hình phạt chung sau khi tổng hợp là 16 năm tù thì thời hạn xóa án tích sẽ là 5 năm.

Trong hai cách hiểu này, cách hiểu thứ nhất sẽ có lợi hơn cho người bị kết án. Nhưng theo quan điểm của chúng tôi, đây là cách hiểu không phù

hợp, bởi trong trường hợp phạm nhiều tội, việc xác định thời hạn xóa án tích sẽ dựa vào hình phạt chung sau khi tổng hợp, còn khi có nhiều bản án lại dựa vào hình phạt chính được tuyên trong từng bản án để tính thời hạn xóa án tích. Điều đó là không công bằng, vì nếu xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội thì trường hợp phạm nhiều tội sẽ có tính nguy hiểm thấp hơn, trường hợp một người đang chấp hành một bản án lại phạm tội mới. Do vậy, chúng tôi cho rằng để có cách hiểu thống nhất, việc xác định xóa án tích trong trường hợp có nhiều bản án cũng nên dựa vào mức hình phạt chung sau khi đã tổng hợp. Đồng thời bổ sung vào khoản 1 Điều 73 BLHS năm 2015 như sau: *"... trong trường hợp có nhiều bản án thì thời hạn xóa án tích quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật này phải căn cứ vào hình phạt chung sau khi đã tổng hợp"*. Bên cạnh đó, cần sửa đổi khoản 3 Điều 73 BLHS năm 2015 theo hướng bổ sung thêm trường hợp có nhiều bản án như sau: *"Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội hoặc trường hợp có nhiều bản án mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này, Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó"*.

+ Ba là, BLHS năm 2015 chưa quy định về thời hạn xóa án tích trong trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Theo quy định của BLHS năm 2015 thì căn cứ để tính thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên là dựa vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên. Trong khi căn cứ để xác định thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội lại không dựa vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên, mà ấn định 3 năm nếu là tội rất nghiêm trọng do cố ý hay đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015). Vậy, phải chăng theo quy định tại khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015 thì căn cứ để xác định thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là dựa vào

loại tội phạm và yếu tố lỗi. Vấn đề được đặt ra là: nếu căn cứ vào các yếu tố này liệu có hợp lý không khi hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế có thể thuộc cùng một loại tội phạm nhưng mức độ nguy hiểm cho xã hội lại khác nhau, và vì vậy hình phạt áp dụng sẽ khác nhau. Chúng tôi cho rằng, căn cứ để xác định thời hạn xóa án tích đối với người trên 18 tuổi hay dưới 18 tuổi phạm tội nên được quy định thống nhất là đều dựa vào hình phạt chính đã tuyên.

Mặc khác, BLHS năm 2015 không quy định về thời hạn xóa án tích đối với người chưa đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng thuộc các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI. Điều này có nghĩa là, chúng ta sẽ vẫn xác định thời hạn xóa án tích là 3 năm đối với các tội phạm trong 2 chương này theo quy định tại khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015. Quan điểm của chúng tôi cho rằng, nên có quy định riêng về thời hạn xóa án tích trong trường hợp này và cũng phải xem đây là trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án giống như người trên 18 tuổi.

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị nên sửa đổi quy định về thời hạn xóa án tích đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo hướng như quy định của BLHS năm 1999. Cụ thể, cần sửa đổi khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015 như sau: *"Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì thời hạn được xóa án tích bằng một phần hai thời hạn được quy định tại khoản 2 Điều 70, khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này và được tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiện tội phạm mới"*.

+ *Bốn là*, BLHS năm 2015 chưa có quy định về xóa án tích trong trường hợp đặc biệt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội.

Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là xóa án tích do Tòa án quyết định nhưng ở thời điểm sớm hơn khi thỏa mãn các điều kiện nhất định. Quy định này nhằm khuyến khích người bị kết án cải tạo tốt, lập công để sớm được xóa án tích. Điều 72 BLHS năm 2015 quy định điều kiện người bị kết án phải đảm bảo thực hiện ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 thì mới có thể được xóa án tích trong trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên, hiện nay BLHS năm 2015 chưa quy định trường hợp này cho người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào Điều 170 BLHS năm 2015 như sau: "...

3. Trong trường hợp người bị kết án là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Tòa án quyết định việc xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 điều này".

3.2. Một số giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích

3.2.1 Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy phạm pháp luật có liên quan đến xóa án tích

Chất lượng của hệ thống pháp luật nói chung, các quy phạm pháp luật liên quan đến xóa án tích là một trong những cơ sở quan trọng, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của các quy phạm pháp luật về xóa án tích. Thực tế cho thấy, chỉ trên cơ sở hệ thống pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án, pháp luật về lý lịch tư pháp có liên quan đến xóa án tích đồng bộ, hoàn chỉnh, phù hợp thì hoạt động áp dụng pháp luật về xóa án tích mới có khả năng đạt được hiệu quả. Chính vì vậy, để hoạt động áp dụng pháp luật về xóa án tích được đúng đắn, phát huy hiệu lực, hiệu quả trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội có liên quan đến xóa án tích, chúng tôi cho rằng:

- *Trước hết*, cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung những quy phạm pháp luật của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích theo hướng bổ sung các

quy phạm pháp luật về điều chỉnh những vấn đề có liên quan đến xóa án tích mà Bộ luật hình sự năm 2015 chưa đề cập đến (vấn đề này đã phân tích ở tiểu mục 3.1.2.).

Mặt khác, BLHS năm 2015 vẫn quy định việc xóa án tích do Tòa án quyết định là không phù hợp với bản chất của chế định án tích. Án tích là hình thức trách nhiệm hình sự phát sinh từ hình phạt được áp dụng; án tích không do Tòa án quyết định, mà là được xác định dựa trên hình phạt được quyết định theo quy định của Luật. Cho nên, án tích đương nhiên tồn tại trong thời hạn luật định sẵn và đương nhiên được xóa theo quy định của luật nếu người bị kết án không phạm tội mới.

Án tích là hậu quả pháp lý bất lợi do việc thực hiện tội phạm. Vì vậy, án tích được xác định trên cơ sở tội phạm và các căn cứ quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội đó. Tòa án không thể và không có quyền căn cứ vào nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động sau khi người đó bị kết án để xóa hay không xóa án tích cho họ ngoài những điều kiện luật định.

Mặc dù, BLHS năm 2015 đã mở rộng điều kiện xóa án tích, nhưng vẫn coi việc người bị kết án chấp hành xong toàn bộ bản án, bao gồm cả hình sự, dân sự, án phí..., là điều kiện để xóa án tích là chưa hợp lý và không tạo điều kiện cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng một cách tuyệt đối; chưa thể hiện đầy đủ tính nhân đạo của pháp luật hình sự nước ta [5].

Ngoài ra, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định của Luật lý lịch tư pháp có liên quan đến xóa án tích. Bởi thực tiễn thi hành các quy định pháp luật lý lịch tư pháp có liên quan đến vấn đề xóa án tích thời gian qua cho thấy, vẫn còn một số bất cập, vướng mắc nhất là vấn đề xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Bởi để bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp thường hướng dẫn người có án tích đến Tòa án xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích: Trên cơ sở giấy chứng nhận của Tòa án, Sở Tư pháp sẽ cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Chỉ một số

ít trường hợp Sở Tư pháp mới trực tiếp xác minh về điều kiện đương nhiên xóa án tích khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Song quy định của pháp luật liên quan đến thủ tục này vẫn còn rườm rà, phức tạp buộc họ phải chờ đợi trong một thời gian khá dài để xác minh. Bởi theo quy định hiện hành, để được Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích, người bị kết án phải tự mình đến các cơ quan có liên quan xin các giấy tờ chứng nhận khác như: Giấy xác nhận về việc không phạm tội mới, tuân thủ pháp luật; giấy xác nhận đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án, v.v... Những thủ tục này không đơn giản đối với người mới chấp hành xong bản án. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiến hành xác minh thì các Sở Tư pháp cũng rất khó khăn khi xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, nhất là không đủ thông tin về bản án hoặc về việc người bị kết án đã chấp hành đầy đủ các quyết định của bản án. Nhiều trường hợp, bản án đã được Tòa án tuyên khá lâu, người bị kết án và các cơ quan có liên quan không còn lưu giữ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thi hành án; hoặc trường hợp một người có nhiều án tích hoặc cư trú ở nhiều địa phương khác nhau. Bất cập này là do thực trạng cơ sở lưu giữ của cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan khác có liên quan chưa thể tích hợp đầy đủ và kết nối với nhau để đáp ứng ngay yêu cầu về cấp Phiếu lý lịch tư pháp xác nhận tình trạng không có án tích. Điều đó dẫn đến các quy định tiến bộ, có lợi cho người dân của Luật lý lịch tư pháp lại gây phiền hà, phức tạp trong thực tế áp dụng đối với họ, bởi cuối cùng Tòa án vẫn phải cấp giấy chứng nhận xóa án tích. Bất cập đó cũng làm cho quy định tại khoản 4 Điều 70 BLHHS năm 2015 trở nên không có giá trị thực tiễn. Do vậy, một số Sở Tư pháp đã đề nghị bỏ khoản 4 Điều 70 BLHS năm 2015, giữ lại quy định về thẩm quyền của Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích theo quy định của BLHS năm 1999. Nếu vậy phải bỏ khoản 1 Điều 369 BLTTHS năm 2015 liên quan đến vấn đề này. Trong khi đó, theo Nghị quyết số 144/QH 13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, trước mắt BLTTHS năm 2015 chỉ

dùng hiệu lực thi hành mà chưa tiến hành sửa đổi, bổ sung cùng với BLHS năm 2015.

Là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp có trách nhiệm quản lý toàn bộ thông tin về án tích của người bị kết án. Vì vậy, việc BLHS năm 2015 giao cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp Phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích là phù hợp. Tuy nhiên, với quy định của BLHS năm 1999, các Sở Tư pháp đã khó khăn như vậy, nay theo quy định của BLHS năm 2015 thì Tòa án không cấp giấy chứng nhận cho người đương nhiên được xóa án tích, thay vào đó là các Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật, thông tin, xác minh thông tin về đương nhiên được xóa án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người bị kết án. Như vậy, kể từ ngày BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2018) thì toàn bộ việc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp sẽ do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp) thực hiện.

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 quy định một trong những điều kiện đương nhiên được xóa án tích là người bị kết án *“không thực hiện hành vi phạm tội mới”* trong thời hạn Bộ luật này quy định (khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015). Đồng thời, theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015 thì *“Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”*. Như vậy, có thể xác định một người thực hiện hành vi phạm tội khi người đó bị khởi tố bị can. Để thực hiện nhiệm vụ quản lý, theo dõi thông tin về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của cá nhân theo quy định của BLHS năm 2015, Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp rất khó khăn vì cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hiện nay không quản lý và lưu trữ các thông

tin từ giai đoạn khởi tố mà chỉ lưu trữ, quản lý thông tin từ giai đoạn có bản án có hiệu lực pháp luật.

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với những quy định mới của BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 về xóa án tích, đồng thời khắc phục những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn công tác xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích thời gian qua, theo chúng tôi cần sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật lý lịch tư pháp theo hướng có sự điều chỉnh phù hợp về đối tượng quản lý lý lịch tư pháp cũng như các quy định về nguồn thông tin lý lịch tư pháp, các loại văn bản do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp, phạm vi lập hồ sơ lý lịch tư pháp, v.v... Đồng thời, bổ sung quy định về cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, UBND cấp xã... để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, xác minh, cập nhật thông tin về điều kiện được đương nhiên xóa án tích của người bị kết án và thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thuận lợi.

3.2.2. Kịp thời ra văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về xóa án tích

Nghiên cứu các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích cho thấy, trong số các quy phạm pháp luật hình sự về xóa án tích còn nhiều quy phạm có tính khái quát cao, chưa cụ thể, rõ ràng... Những quy phạm pháp luật này chỉ có thể áp dụng đúng đắn, thống nhất trong thực tiễn khi có văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng. Do vậy, việc tồn tại đầy đủ các văn bản giải thích hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật về xóa án tích là một trong những đảm bảo áp dụng đúng đắn, thống nhất của quy phạm pháp luật về xóa án tích trong thực tiễn.

Mặt khác, hoạt động giải thích pháp luật cũng là một trong những đảm bảo để quy phạm pháp luật về xóa án tích được áp dụng đúng đắn, nhất là giải thích chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Có thể thấy, việc giải thích

chính thức của Cơ quan có thẩm quyền (ở nước ta, theo Hiến pháp là Ủy ban thường vụ Quốc hội) có ý nghĩa hết sức quan trọng khi mà các quy phạm pháp luật về xóa án tích còn chưa cụ thể, rõ ràng hoặc có nguy cơ nhận thức không thống nhất.

Để hướng dẫn các cơ quan có thẩm quyền áp dụng thống nhất các quy định về xóa án tích, trước đây các cơ quan trung ương đã ban hành Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 1/8/1986 của TANDTC, VKSNDTC, BNV, BTP về xóa án; Thông tư liên ngành số 03-89/TTLN ngày 15/7/1989 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn bổ sung về xóa án và Công văn số 140/NCPL ngày 5/7/1990 của TANDTC về việc xóa án đối với người được hưởng án treo [25; tr.100-126]. Nhưng cho đến nay, BLHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung một cách căn bản các quy định về xóa án tích. Do vậy, nhiều hướng dẫn của Thông tư này không còn phù hợp. Do vậy, trong thời gian tới các cơ quan có thẩm quyền cần khẩn trương ban hành thông tư mới thay thế các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 về xóa án tích. Trong đó cần tập trung giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định có liên quan đến điều kiện đương nhiên được xóa án tích; các điều kiện xóa án tích theo quyết định của Tòa án (như: tính chất tội phạm, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án); các điều kiện xóa án tích trong trường hợp đặc biệt (như: người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và lập công...).

Ngoài ra, Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần có văn bản hướng dẫn về xóa án tích trong một số trường hợp cá biệt như: xóa án tích đối với người bị kết án đã chết; vấn đề bồi thường thiệt hại trong việc xóa án tích; xóa án tích với việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, v.v...

Các văn bản giải thích, hướng dẫn nêu trên nếu được ban hành kịp thời, đầy đủ sẽ đảm bảo tính thống nhất trong thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích.

3.2.3. Thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến xóa án tích

Việc đảm bảo áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật về xóa án tích phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật đóng vai trò vô cùng quan trọng và có tính quyết định. Do vậy, để đảm bảo áp dụng đúng đắn các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích cần phải thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm công tác, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền, mà trước hết là đội ngũ thẩm phán theo hướng: xây dựng đội ngũ cán bộ có thẩm quyền giải quyết vấn đề xóa án tích có tư tưởng chính trị sâu rộng, đạo đức lối sống trong sáng; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng yêu cầu công tác đặt ra. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ này phải đảm bảo số lượng, đảm bảo chất lượng, có kỹ năng công tác thành thạo. Để đáp ứng được những yêu cầu này, phải thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật về xóa án tích nói riêng, kiến thức pháp luật nói chung. Việc đào tạo, bồi dưỡng phải theo hướng chuyên sâu có khả năng và kỹ năng giải quyết nhiệm vụ trong mọi tình huống đặt ra. Ngoài ra ở các địa phương cần phải nâng cao và thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật, đặc biệt là trong vấn đề xóa án tích nhằm đảm bảo tối đa mọi quyền lợi của người phạm tội, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng, ổn định làm ăn sinh sống.

3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổng kết thực tiễn xóa án tích để kịp thời phát huy mặt tích cực, đồng thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót

Để đảm bảo hoạt động áp dụng các quy định của pháp luật về xóa án tích được đúng đắn, trước hết Viện kiểm sát cần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ kiểm sát các hoạt động liên quan đến xóa án tích của Tòa án. Nội

dung kiểm sát cần tập trung vào việc xem xét, quyết định xóa án tích của Tòa án có bảo đảm điều kiện, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định hay không? Quá trình kiểm sát cần chú ý phát hiện những vi phạm trong việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015, BLTTHS năm 2015 có liên quan đến xóa án tích.

Bên cạnh đó cần tăng cường công tác giám sát xã hội đối với hoạt động xóa án tích của các đoàn thể quần chúng, cũng như của nhân dân.

Ngoài ra, cần thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động xóa án tích từ phía các chủ thể có thẩm quyền, trên cơ sở đó rút ra mặt tích cực cần phát huy và những hạn chế, thiếu sót để có biện pháp khắc phục. Có như vậy, việc xóa án tích cho người bị kết án mới đảm bảo đúng pháp luật, qua đó mới phát huy tác dụng của chế định xóa án tích trong việc xóa đi mặc cảm tội lỗi của người bị kết án, động viên họ làm ăn lương thiện, không tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

3.2.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện công tác phục vụ hoạt động liên quan đến xóa án tích.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện công tác phục vụ hoạt động liên quan đến xóa án tích mặc dù chỉ là yếu tố hình thức, nhưng có ý nghĩa không nhỏ trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến xóa án tích. Với ý nghĩa đó, Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW của Bộ Chính trị đã khẳng định: *"Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật đảm bảo cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ... Tăng cường đầu tư kinh phí, phương tiện làm việc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp"* [2; tr.13].

Trước hết, cần tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để đảm bảo việc tích hợp và sử dụng dữ liệu giữa Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và các Sở Tư pháp với nhau. Bởi đây là những vướng mắc gặp rất nhiều trong thực tiễn đối với người bị kết án ở địa phương này nhưng có nhu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp để xác

nhận không có án tích ở địa phương khác. Để đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin lý lịch tư pháp, cần từng bước hình thành cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp một cách thống nhất, phục vụ cho công tác quản lý lý lịch tư pháp. Đây là yêu cầu rất quan trọng nhằm khắc phục tình trạng phân tán thông tin lý lịch tư pháp và bất cập cơ bản trong công tác quản lý lý lịch tư pháp.

Thêm vào đó cần đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật Tòa án quân sự để thực hiện việc tích hợp và cung cấp dữ liệu cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia hay Sở Tư pháp có liên quan, vì đây vẫn là một khoảng trống.

Kết luận chương 3

Chương 3 của luận văn tập trung đánh giá các quy định của BLHS năm 2005 về xóa án tích và đưa ra các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định đó trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của chương này cho phép rút ra một số kết luận sau:

So với quy định của BLHS năm 1999 về xóa án tích BLHS năm 2015 đã có nhiều quy định mới về vấn đề xóa án tích. Có thể thấy, BLHS năm 2015 đã sửa đổi căn bản chế định xóa án tích cho người bị kết án theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng, ổn định làm ăn sinh sống, xóa đi mặc cảm tội lỗi.

Tuy nhiên, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) vẫn chưa có sự sửa đổi, bổ sung một cách triệt để về chế định xóa án tích. Do vậy, các quy định của BLHS năm 2015 vẫn còn những điểm bất cập, hạn chế nhất định cần phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Vấn đề cơ bản đặt ra hiện nay là cần tổ chức thi hành BLHS năm 2015, để phát huy những mặt tích cực của Bộ luật này trong phòng ngừa vấn đề đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới, trong đó có chế định xóa án tích.

Để đảm bảo áp dụng đúng các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích cần phải triển khai đồng bộ các giải pháp khác nhau, trong đó tập trung

vào các giải pháp hoàn thiện các quy phạm pháp luật về xóa án tích; khẩn trương ban hành văn bản giải thích hướng dẫn áp dụng pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng pháp luật và đảm bảo cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động này. Có như vậy, chế định xóa án tích mới phát huy được vai trò, tác dụng của mình trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, nhất là phòng ngừa tái phạm./.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đề cao quyền con người được Hiến pháp ghi nhận thì việc nghiên cứu chế định xóa án tích trong luật hình sự là rất cần thiết có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

Từ kết quả nghiên cứu của luận văn cho phép rút ra một số kết luận cơ bản sau đây:

1. Mặc dù đã qua ba lần pháp điển hóa, nhưng trong BLHS vẫn không có điều luật quy định khái niệm xóa án tích. Do vậy, trong khoa học luật hình sự việc nhận thức về xóa án tích chưa hoàn toàn thống nhất, do vậy có nhiều khái niệm khác nhau về xóa án tích. Thực trạng này đòi hỏi phải nghiên cứu để đưa ra được một khái niệm khoa học về xóa án tích, trong đó phản ánh được bản chất, đặc điểm đặc trưng của chế định này. Đây là nền tảng lý luận để chỉ đạo thực tiễn xây dựng và áp dụng các quy phạm pháp luật về xóa án tích.

2. Vấn đề án tích, xóa án tích đã được đề cập từ lâu trong pháp luật hình sự Việt Nam. Song chỉ đến khi BLHS năm 1985 được ban hành thì xóa án tích mới trở thành một chế định độc lập của luật hình sự. Chế định này ngày càng được hoàn thiện và tiếp tục được ghi nhận trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015. So với quy định của BLHS năm 1985 về xóa án tích, quy định của BLHS năm 1999, đặc biệt của BLHS năm 2015 về xóa án tích có nhiều điểm tiến bộ và nhân đạo hơn vì: đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện

chính sách xử lý người phạm tội là: *"Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội"*; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, nhất là vấn đề quyền con người; kế thừa và phát triển các quy định còn phù hợp của BLHS hiện hành, bổ sung những quy định mới để giải quyết những vướng mắc, bất cập đang đặt ra trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, nhất là trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế thì những quy định của BLHS năm 2015 vẫn chưa thật sự đáp ứng, vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung vào thời gian tới.

3. Để phát huy tác dụng của chế định xóa án tích trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm cần phải có những giải pháp đảm bảo áp dụng đúng đắn các quy định của BLHS năm 2015 về xóa án tích, trong đó đặc biệt chú ý đến giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật này về xóa án tích và các giải pháp đảm bảo chất lượng, thi hành trong thời gian tới.

4. Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam là một vấn đề hết sức phức tạp cả về lý luận lẫn thực tiễn, đòi hỏi phải nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, chúng tôi không thể khảo sát, đánh giá được thực tiễn xóa án tích trong phạm vi cả nước. Điều này cũng ít nhiều ảnh hưởng đến giá trị của luận văn. Hy vọng vấn đề này sẽ được nghiên cứu ở cấp cao hơn.

5. Trong quá trình nghiên cứu luận văn, người nghiên cứu đã nỗ lực, cố gắng hết mức để hoàn thành luận văn, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức của một luận văn thạc sĩ. Song với thời gian và khả năng nghiên cứu có hạn của bản thân nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả của luận văn rất mong được sự đánh giá, góp ý của các nhà khoa học, các thầy cô trong Hội đồng chấm luận văn để tác giả tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2002), *Chế định án tích và mô hình lý luận của nó trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 2/2005; tr.57-63;
2. Lê Văn Cẩm (2016), *Điểm mới trong các chế định về biện pháp tha miễn, quy định đối với pháp nhân thương mại và người dưới 18 tuổi*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 7/2016, tr.7-14;
3. Đỗ Văn Chinh (2003), *Xóa án tích và những vấn đề cần lưu ý*, Tạp chí TAND số 6/2003, tr.3-5;
4. Đỗ Văn Chinh (2009), *Xóa án tích với việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm*, Tạp chí TAND số 2/2009, tr.25-32;
5. Trần Văn Độ (2014), *Giới thiệu quy định của Dự thảo Bộ luật hình sự về xóa án tích*, Hà Nội;
6. Nguyễn Văn Đồng (2015), *Bắt cập trong áp dụng các quy định về xóa án tích và xác nhận trong lý lịch tư pháp*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 5/2017, tr.46-50;
7. Phạm Hồng Hải (2001), *Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định của BLHHS năm 1999*, Tạp chí TAND số 4/2001, tr.14-17;
8. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
9. Phạm Thị Học (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
10. Phan Thị Phương Hiền (2017), *Hoàn thiện các quy định về xóa án tích đối với người bị kết án trong BLHS năm 2015*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 1/2017, tr.33-38;
11. Lê Trung Khôi (2009), *Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;

12. Nguyễn Thị Lan (2003), *Chế định xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội;
13. Nguyễn Xuân Nghiệp (2006), *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội;
14. Nguyễn Thị Minh Phương (2001), *Chế định xóa án tích trong BLHS năm 1999*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội;
15. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 (Phần chung)*, Nxb TP Hồ Chí Minh;
16. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1985*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
17. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
18. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
19. Quốc hội (2004), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
20. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
21. Quốc hội, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi thi hành Bộ luật hình sự năm 2015;
22. Quốc hội (2009), *Luật lý lịch tư pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
23. Hồ Sỹ Sơn (2001), *Án tích theo BLHS Việt Nam năm 1999*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 12/2001, tr.63-71;
24. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự tập 1 (1960- 1974), tập 2 (1975-1978)*, Hà Nội;
25. Tòa án nhân dân tối cao (1990), *Tập các văn bản hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội;

26. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung BLHS năm 1999*, Hà Nội;
27. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
28. Phạm Minh Tuyên (2017), *Xóa án tích theo quy định của BLHS năm 2015*, Tạp chí TAND số 7/2017, tr.23-25;
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb CAND, Hà Nội;
30. Viện Khoa học Pháp lý Bộ Tư pháp (2001), *Bình luận khoa học BLHs Việt Nam năm 1999, Tập 1- Phần chung*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
31. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1993), *Mô hình lý luận về BLHS Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
32. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phần chung BLHS trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
33. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội;